

ĐỀ ÁN

Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh An Giang gắn với phát triển du lịch

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2026 của UBND tỉnh)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên Đề án: Đề án Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh An Giang gắn với phát triển du lịch.
- Cơ quan chủ trì: UBND tỉnh An Giang.
- Đơn vị thực hiện: Sở Văn hóa và Thể thao.
- Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Thời gian thực hiện: Năm 2026 - 2030.
- Kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn vốn xã hội hóa.
- Cơ quan thẩm định và phê duyệt: UBND tỉnh An Giang.

II. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành bản sắc văn hóa đa dạng, phong phú của địa phương. Văn hóa truyền thống của các dân tộc này bao gồm các loại hình nghệ thuật biểu diễn, nghề thủ công truyền thống, lễ hội, phong tục tập quán, tín ngưỡng... mang đậm dấu ấn lịch sử, tâm linh và giá trị nhân văn sâu sắc. Đây là một nguồn tài nguyên quý giá không chỉ về mặt văn hóa mà còn có tiềm năng phát triển kinh tế thông qua các hoạt động du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện đại hóa, đô thị hóa, hội nhập kinh tế và sự tiếp nhận mạnh mẽ các giá trị văn hóa hiện đại, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số đang đứng trước nguy cơ mai một, mất dần sự sống trong đời sống cộng đồng. Một số nguyên nhân cụ thể như:

- Thế hệ nghệ nhân, người giữ gìn và truyền dạy các giá trị truyền thống ngày càng già yếu, trong khi lớp kế thừa còn hạn chế về số lượng và kỹ năng chuyên môn.

- Không gian sinh hoạt, thực hành văn hóa truyền thống bị thu hẹp do biến động dân cư, thay đổi mô hình kinh tế, đô thị hóa và phát triển hạ tầng.

- Thiếu hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học được kiểm kê, số hóa, lưu giữ bài bản, dẫn đến nguy cơ thất truyền các loại hình văn hóa đặc trưng.

- Chưa có sự kết nối chặt chẽ giữa bảo tồn văn hóa truyền thống với phát triển du lịch và các ngành kinh tế sáng tạo, làm giảm hiệu quả khai thác giá trị di sản và sinh kế của cộng đồng.

- Ý thức bảo vệ, giữ gìn di sản văn hóa trong một bộ phận người dân và thế hệ trẻ chưa cao, chịu tác động của văn hóa đại chúng và công nghệ số.

Bên cạnh những khó khăn trên, việc xây dựng Đề án còn xuất phát từ các nhu cầu cấp thiết sau:

- Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống nhằm giữ gìn bản sắc văn hóa đa dạng của địa phương, đồng thời góp phần xây dựng đời sống văn hóa phong phú, nâng cao nhận thức, tự hào dân tộc trong cộng đồng các dân tộc thiểu số.

- Phát huy tiềm năng văn hóa truyền thống trong phát triển du lịch, tạo ra các sản phẩm, dịch vụ du lịch văn hóa đặc thù hấp dẫn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các dân tộc thiểu số tiếp tục duy trì, sáng tạo các giá trị văn hóa truyền thống, đảm bảo tính liên tục, thích ứng và phát triển trong bối cảnh hội nhập và biến đổi xã hội.

- Tăng cường sự tham gia chủ thể của cộng đồng dân tộc thiểu số trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản, xây dựng mô hình quản lý, phát triển di sản có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức xã hội và cộng đồng.

- Thực hiện các cam kết quốc tế và chính sách phát triển văn hóa, du lịch của Nhà nước, phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành như Luật Di sản văn hóa, Luật Du lịch và các nghị quyết, chương trình phát triển văn hóa dân tộc thiểu số.

- Tận dụng cơ hội từ sự quan tâm của xã hội và nguồn lực đa dạng (như nguồn vốn nhà nước, xã hội hóa, hỗ trợ quốc tế) để triển khai các hoạt động bảo tồn hiệu quả, hiện đại, sáng tạo, gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế địa phương.

Do vậy, việc xây dựng “Đề án Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh An Giang gắn với phát triển du lịch” là hết sức cần thiết và cấp bách, nhằm bảo đảm các giá trị văn hóa truyền thống được giữ gìn, phát huy phù hợp với xu thế phát triển bền vững, góp phần nâng cao đời sống cộng đồng các dân tộc thiểu số và phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

2. Căn cứ pháp lý xây dựng Đề án

Việc xây dựng và triển khai Đề án Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh An Giang gắn với phát triển du lịch được thực hiện dựa trên những căn cứ pháp lý sau:

- Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;
- Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”;
- Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;
- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới;
- Nghị định số 137/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch;
- Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch;
- Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030;
- Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng chính phủ Việt Nam về việc phê duyệt quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 816/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 07 tháng 7 năm 2023 về Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Thông tư số 04/2025/TT-BVHTTDL ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về kiểm kê di sản văn hóa, công bố Danh mục kiểm kê di sản văn hóa; đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích; phân loại di vật, cổ vật; kho bảo quản di sản tư liệu; di sản văn hóa hạn chế sử dụng, khai thác và hướng dẫn việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa;
- Thông tư số 09/2025/TT-BVHTTDL ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch;

- Quyết định số 1230/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (trước sắp xếp) về bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2022-2025.

III. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát

Đề án nhằm bảo tồn, khôi phục, gìn giữ và phát huy bền vững các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, xem đây là một bộ phận không thể tách rời trong bản sắc văn hóa đa dạng của địa phương và quốc gia.

Thông qua việc triển khai các hoạt động nghiên cứu, kiểm kê, tư liệu hóa, số hóa và truyền dạy các loại hình nghệ thuật, lễ hội, phong tục tập quán, nghề thủ công truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số, Đề án hướng tới:

- Bảo đảm sự tồn tại, tính nguyên bản và liên tục của các giá trị văn hóa truyền thống trong đời sống đương đại, đồng thời thúc đẩy khả năng sáng tạo, thích ứng để văn hóa truyền thống không bị mai một mà phát triển phù hợp với bối cảnh xã hội hiện nay.

- Xây dựng môi trường sinh hoạt, thực hành văn hóa thuận lợi và bền vững cho cộng đồng các dân tộc thiểu số, tăng cường sự tham gia chủ thể của đồng bào trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản.

- Phát triển các sản phẩm, dịch vụ du lịch văn hóa đặc trưng dựa trên các giá trị văn hóa truyền thống, góp phần nâng cao giá trị kinh tế của di sản văn hóa, tạo sinh kế bền vững, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tăng cường quảng bá, giới thiệu rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số đến công chúng trong nước và quốc tế, nâng cao nhận thức xã hội về tầm quan trọng của việc bảo tồn đa dạng văn hóa, góp phần thúc đẩy phát triển du lịch văn hóa và giao lưu văn hóa.

- Tạo sự liên kết, phối hợp đồng bộ giữa các cấp chính quyền, tổ chức xã hội, cộng đồng và doanh nghiệp trong hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời tích hợp bảo tồn văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội, phát triển du lịch bền vững theo hướng thân thiện với môi trường và cộng đồng.

- Đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của địa phương và vùng, phù hợp với các chính sách phát triển văn hóa, du lịch của Nhà nước, các cam kết quốc tế về bảo vệ và phát huy di sản văn hóa phi vật thể, đa dạng văn hóa và phát triển du lịch có trách nhiệm.

Tóm lại, Đề án đặt mục tiêu phát huy vai trò trung tâm của văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trong phát triển bền vững vùng miền, góp phần nâng cao vị thế văn hóa dân tộc, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội và giao lưu văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Kiểm kê, nghiên cứu và tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống

Nâng cao chất lượng công tác điều tra, nhận diện và quản lý thông tin về di sản văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số; bảo đảm các giá trị văn hóa tiêu biểu được hệ thống hóa khoa học và duy trì bền vững trong đời sống đương đại.

2.2. Phát huy vai trò cộng đồng trong bảo tồn và truyền dạy văn hóa truyền thống

Tăng cường sự tham gia chủ động của cộng đồng dân tộc thiểu số trong duy trì và sáng tạo văn hóa; củng cố mạng lưới nghệ nhân và cơ chế truyền dạy để bảo đảm sự tiếp nối văn hóa giữa các thế hệ.

2.3. Gắn kết bảo tồn văn hóa truyền thống với phát triển du lịch văn hóa bền vững

Khai thác giá trị văn hóa dân tộc thiểu số để tạo động lực phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng, góp phần nâng cao sinh kế, quảng bá hình ảnh địa phương và thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội bền vững.

2.4. Nâng cao nhận thức xã hội và truyền thông quảng bá về giá trị văn hóa dân tộc thiểu số

Mở rộng mức độ lan tỏa và sự công nhận của xã hội đối với các giá trị văn hóa truyền thống thông qua truyền thông đa dạng, nhằm tăng cường ý thức bảo vệ và niềm tự hào trong cộng đồng.

2.5. Tăng cường năng lực quản lý, phối hợp và chính sách hỗ trợ bảo tồn di sản văn hóa

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, hoàn thiện cơ chế phối hợp và chính sách hỗ trợ đối với nghệ nhân, cộng đồng; bảo đảm các hoạt động bảo tồn văn hóa được triển khai đồng bộ và có chiều sâu.

3. Sản phẩm đầu ra của Đề án

Đề án hướng đến tạo ra hệ thống sản phẩm cụ thể, có thể lượng hóa, phục vụ cho công tác bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống và phát triển du lịch văn hóa bền vững. Các sản phẩm đầu ra chủ yếu bao gồm:

3.1. Sản phẩm về kiểm kê, tư liệu hóa và số hóa di sản

- Bộ hồ sơ kiểm kê đầy đủ các loại hình văn hóa truyền thống của cộng đồng Khmer, Chăm, Hoa (văn bản, hình ảnh, phim tư liệu, ghi âm, bản đồ di sản).
- Cơ sở dữ liệu số hóa thống nhất, tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa, phục vụ quản lý, nghiên cứu và quảng bá.
- Bộ ấn phẩm, tài liệu truyền thông (sách, tập ảnh, phim tài liệu, video giới thiệu, bài viết chuyên đề).

3.2. Sản phẩm về truyền dạy và bảo tồn di sản văn hóa

- Từ 05-10 lớp truyền dạy nghệ thuật trình diễn dân gian, nghề thủ công truyền thống, ngôn ngữ và phong tục dân tộc cho thanh thiếu niên và cộng đồng.
- Ít nhất 02 mô hình thí điểm không gian văn hóa cộng đồng tại các khu vực có đông đồng bào dân tộc thiểu số.
- Các bộ tài liệu hướng dẫn thực hành, bảo tồn và truyền dạy di sản cho cơ sở.

3.3. Sản phẩm về phát triển du lịch văn hóa - du lịch cộng đồng

- Ít nhất 03 sản phẩm du lịch văn hóa đặc trưng dựa trên lễ hội, nghề thủ công, nghệ thuật dân gian và đời sống văn hóa của các dân tộc Khmer, Chăm, Hoa.
- 02 mô hình du lịch cộng đồng hoặc du lịch trải nghiệm do chính cộng đồng dân tộc thiểu số làm chủ thể.
- Các sự kiện văn hóa - du lịch thường niên (liên hoan văn hóa dân tộc, tuần lễ văn hóa - du lịch, ngày hội nghề truyền thống...).

3.4. Sản phẩm về đào tạo, tập huấn và nâng cao năng lực

- Tối thiểu 02 lớp tập huấn về quản lý di sản, phát triển du lịch văn hóa, kỹ năng hướng dẫn - thuyết minh cho cán bộ văn hóa và cộng đồng dân tộc thiểu số.
- Bộ tài liệu đào tạo, hướng dẫn nghiệp vụ về bảo tồn và phát huy di sản văn hóa trong bối cảnh chuyển đổi số.

Các sản phẩm đầu ra trên là căn cứ để đánh giá kết quả thực hiện Đề án giai đoạn 2026-2030, đồng thời làm nền tảng cho việc tiếp tục phát triển các chương trình bảo tồn và du lịch văn hóa trong những giai đoạn tiếp theo.

IV. HIỆN TRẠNG VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG VÀ DU LỊCH CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ

1. Tổng quan các loại hình văn hóa truyền thống (nghệ thuật biểu diễn, nghề thủ công, lễ hội, phong tục...)

Sau khi sáp nhập với tỉnh Kiên Giang, tỉnh An Giang trở thành một trong những đơn vị hành chính có quy mô dân cư và diện tích lớn nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Với vị trí tiếp giáp Campuchia, biển Tây và vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đây là khu vực hội tụ và giao thoa của nhiều dòng chảy văn hóa, nơi cùng tồn tại và phát triển của các cộng đồng dân tộc Kinh, Khmer, Chăm và Hoa. Sự đa dạng về tộc người đã tạo nên nền văn hóa đặc sắc, phản ánh quá trình thích ứng lâu dài với môi trường tự nhiên, kinh tế và lịch sử vùng sông nước - biên giới - hải đảo.

Trong tổng thể di sản văn hóa của tỉnh, các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số giữ vai trò đặc biệt quan trọng, thể hiện qua nhiều loại hình như nghệ thuật biểu diễn dân gian, nghề thủ công, lễ hội, phong tục tập quán và tín ngưỡng dân gian. Mỗi loại hình là một mảnh ghép phản ánh bản sắc riêng của từng cộng đồng, đồng thời góp phần làm phong phú diện mạo văn hóa địa phương.

Trước hết, về nghệ thuật biểu diễn, người Khmer ở các xã miền núi, biên giới như Tri Tôn, Tịnh Biên và vùng U Minh Thượng... vẫn bảo tồn nhiều hình thức nghệ thuật dân gian như Rô băm, Dù kê, các điệu múa Romvong, Lâm Thôn, và âm nhạc ngũ âm. Đây là loại hình nghệ thuật tổng hợp, phản ánh đời sống tinh thần và tôn giáo của cộng đồng Phật tử Nam tông Khmer. Người Chăm, chủ yếu cư trú tại các khu vực như An Phú, Tân Châu, vẫn duy trì các điệu múa Chăm, hát dân ca, cùng nhạc cụ truyền thống như trống Ghi-năng và kèn Saranai, thể hiện bản sắc văn hóa Islam đậm nét. Cộng đồng người Hoa tại các đô thị như Châu Đốc, Long Xuyên, Rạch Giá hay Hà Tiên lại lưu giữ các loại hình sân khấu và trình diễn nghệ thuật như hát Tiều, hát tuồng, múa lân - sư - rồng, cùng với âm nhạc lễ hội mang tính tâm linh cao.

Về nghề thủ công truyền thống, người Khmer nổi tiếng với nghề dệt thổ cẩm, đan lát, làm đường thốt nốt, nấu rượu cần và gốm truyền thống; những nghề này không chỉ phục vụ nhu cầu sinh hoạt mà còn tạo ra sản phẩm văn hóa - du lịch đặc trưng. Người Chăm duy trì nghề dệt thổ cẩm, làm gốm không bàn xoay, dệt khăn đội đầu, phản ánh sự khéo léo, tính thẩm mỹ và tri thức dân gian trong lao động thủ công. Người Hoa thì gìn giữ nghề làm bánh, may mặc, kim hoàn, chế tác vật phẩm lễ nghi và điêu khắc gỗ, phục vụ nhu cầu lễ hội, thờ tự và giao thương. Nhiều làng nghề truyền thống đã được khôi phục và gắn với du lịch cộng đồng, trở thành điểm đến hấp dẫn cho du khách trong và ngoài nước.

Hệ thống lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số là minh chứng sinh động cho sự đa dạng văn hóa trong tỉnh. Người Khmer có các lễ hội tiêu biểu như

Chôl Chnăm Thmây (Tết năm mới), Sen Dolta (lễ cúng ông bà) và Ok Om Bok (lễ cúng trăng), gắn với chu kỳ sản xuất nông nghiệp và triết lý Phật giáo Nam tông. Người Chăm tổ chức lễ hội Katê, Ramurwan, Ramadan, thể hiện sự gắn bó cộng đồng và niềm tin tôn giáo sâu sắc. Người Hoa duy trì lễ hội Nguyên Tiêu, lễ Nghinh Ông, lễ vía Thiên Hậu, Quan Thánh, Thần Tài, phản ánh truyền thống tín ngưỡng và kết nối cộng đồng. Trong những năm gần đây, nhiều lễ hội đã được phục dựng và tổ chức quy mô hơn, trở thành tài nguyên du lịch quan trọng, góp phần thúc đẩy giao lưu văn hóa và phát triển kinh tế địa phương.

Ngoài ra, phong tục, tín ngưỡng và đời sống văn hóa cộng đồng của các dân tộc thiểu số cũng giữ vai trò cốt lõi trong cấu trúc văn hóa địa phương. Người Khmer coi chùa Nam tông là trung tâm sinh hoạt cộng đồng, nơi gìn giữ ngôn ngữ, chữ viết và giáo lý đạo Phật. Người Chăm duy trì nếp sống tôn giáo Islam thông qua hệ thống thánh đường (Masjid) và các quy tắc đạo đức, xã hội nghiêm ngặt. Người Hoa giữ vững tín ngưỡng thờ Quan Công, Thiên Hậu, Ông Bồn, Thần Tài, cùng truyền thống thờ tổ tiên tại các hội quán, miếu và tư gia. Những không gian tín ngưỡng này vừa là nơi thể hiện niềm tin, vừa là môi trường giáo dục văn hóa cho thế hệ trẻ, góp phần cố kết cộng đồng trong quá trình hội nhập và phát triển.

Nhìn chung, các loại hình văn hóa truyền thống của dân tộc Khmer, Chăm và Hoa trên địa bàn tỉnh An Giang là những di sản văn hóa sống, phản ánh rõ nét sự đa dạng tộc người và quá trình giao thoa văn hóa vùng sông nước - biên giới - hải đảo. Đây không chỉ là nguồn lực quan trọng để xây dựng bản sắc văn hóa địa phương mà còn là tiềm năng lớn trong phát triển du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng và du lịch tâm linh theo hướng bền vững, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới.

2. Thực trạng bảo tồn và phát huy, những thuận lợi và khó khăn

Trong bối cảnh sau sáp nhập, tỉnh An Giang hội tụ những vùng văn hóa đặc trưng, tạo nên không gian văn hóa đa dạng, phong phú và giàu bản sắc. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số thời gian qua đã được các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và các ngành chức năng quan tâm, triển khai với nhiều hình thức, bước đầu đạt được những kết quả tích cực, góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và thúc đẩy phát triển du lịch bền vững.

Về công tác bảo tồn, tỉnh đã tiến hành nhiều hoạt động sưu tầm, kiểm kê và lập hồ sơ khoa học các loại hình di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của cộng đồng Khmer, Chăm, Hoa. Nhiều lễ hội truyền thống như Chôl Chnăm Thmây, Ok Om Bok của người Khmer; Ramurwan, Katê của người Chăm; Nguyên Tiêu, Nghinh Ông, vía Thiên Hậu của người Hoa đã được phục dựng, bảo tồn và tổ chức định kỳ hàng năm. Một số loại hình nghệ thuật dân gian như Rô băm, Dù kê, múa Romvong của người Khmer; múa Chăm, trống Ghi-năng; cùng các đội múa lân - sư - rồng của cộng đồng Hoa được duy trì và truyền dạy cho thế hệ trẻ. Các nghề thủ công truyền thống như dệt thổ cẩm Khmer, gốm Chăm, đường thốt nốt, đan lát được khôi phục,

phát triển gắn với du lịch cộng đồng, góp phần tạo sinh kế và giữ nghề cho đồng bào dân tộc.

Công tác phát huy giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch cũng đạt được những bước tiến đáng ghi nhận. Các địa phương đã hình thành một số mô hình du lịch văn hóa cộng đồng tại vùng Bảy Núi (Tri Tôn - Tịnh Biên), làng Chăm Châu Phong (Tân Châu), hay làng nghề truyền thống ở U Minh Thượng, Hà Tiên. Một số sản phẩm du lịch đặc thù dựa trên lễ hội và nghề thủ công đã bước đầu hình thành, như tour trải nghiệm làm đường thốt nốt, du lịch hành hương lễ hội Nguyễn Tiêu - Nghinh Ông, tham quan làng Chăm Islam. Các chương trình liên hoan, giao lưu văn hóa - nghệ thuật giữa các dân tộc được tổ chức thường xuyên, góp phần quảng bá bản sắc địa phương và tăng cường hiểu biết, đoàn kết giữa các cộng đồng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế và khó khăn. Trước hết, việc nhận thức về giá trị của di sản văn hóa phi vật thể ở một số địa phương còn chưa đồng đều, dẫn đến công tác quản lý và đầu tư bảo tồn chưa được thống nhất, còn mang tính phong trào. Một số loại hình nghệ thuật dân gian có nguy cơ mai một do thiếu người kế thừa, như Rô băm, Dù kê, nhạc ngũ âm Khmer hay nghề gốm Chăm truyền thống. Đời sống kinh tế của đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, khiến việc duy trì hoạt động văn hóa truyền thống chưa được ưu tiên.

Công tác đầu tư cơ sở vật chất và nguồn nhân lực cho bảo tồn văn hóa còn hạn chế. Các thiết chế văn hóa cơ sở như nhà văn hóa, trung tâm sinh hoạt cộng đồng dân tộc ở vùng sâu, vùng biên giới chưa được đầu tư đồng bộ; đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa - du lịch ở cơ sở còn thiếu và yếu. Nguồn kinh phí cho công tác bảo tồn còn phân tán, chưa ổn định, trong khi hoạt động du lịch văn hóa - lễ hội phần lớn vẫn mang tính tự phát, thiếu chiến lược gắn kết dài hạn.

Bên cạnh đó, tác động của quá trình đô thị hóa, hội nhập và toàn cầu hóa đang làm biến đổi mạnh mẽ đời sống văn hóa của đồng bào các dân tộc. Nhiều phong tục, lễ nghi truyền thống bị giản lược hoặc thương mại hóa; giới trẻ ít quan tâm đến việc học tập và gìn giữ các giá trị văn hóa của dân tộc mình. Việc khai thác du lịch tại một số lễ hội còn thiếu định hướng bền vững, có nguy cơ làm giảm giá trị thiêng liêng và bản sắc văn hóa bản địa.

Tuy vậy, tỉnh An Giang vẫn có nhiều thuận lợi cơ bản cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số. Đó là sự quan tâm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước thông qua các chính sách như Nghị quyết số 33-NQ/TW về xây dựng và phát triển văn hóa, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; cùng với đó là sự hỗ trợ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong công tác kiểm kê, lập hồ sơ di sản. Ngoài ra, nguồn lực văn hóa - du lịch phong phú, môi trường đa dân tộc, đa tôn giáo hài hòa, cùng

ý thức gìn giữ bản sắc của cộng đồng dân tộc là những yếu tố thuận lợi giúp tỉnh có điều kiện phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch bền vững.

Tóm lại, công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh An Giang đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, song vẫn còn không ít thách thức trong bối cảnh phát triển hiện nay. Việc tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách, nâng cao nhận thức cộng đồng, đầu tư hạ tầng văn hóa - du lịch, đào tạo nguồn nhân lực và tăng cường liên kết vùng sẽ là những hướng đi quan trọng nhằm bảo tồn và phát huy hiệu quả hơn nữa các giá trị văn hóa truyền thống, đóng góp vào sự phát triển bền vững của tỉnh trong giai đoạn mới.

3. Tiềm năng phát triển du lịch văn hóa từ các giá trị truyền thống dân tộc thiểu số

Tỉnh An Giang, sở hữu một hệ thống tài nguyên văn hóa - tự nhiên đặc sắc, phản ánh rõ nét đời sống của các cộng đồng dân tộc Kinh, Khmer, Chăm và Hoa. Trong đó, các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số chính là nền tảng quan trọng để phát triển các loại hình du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng và du lịch tâm linh theo hướng bền vững.

Trước hết, hệ thống lễ hội truyền thống đa dạng là nguồn tài nguyên văn hóa - du lịch đặc biệt có giá trị. Các lễ hội của người Khmer như Chôl Chnăm Thmây, Sen Dolta, Ok Om Bok, không chỉ là sinh hoạt tín ngưỡng mà còn là dịp phô diễn nghệ thuật múa, nhạc ngũ âm, ẩm thực và trang phục dân tộc, có sức hấp dẫn lớn đối với du khách trong và ngoài nước. Lễ hội Ramurwan và Katê của người Chăm, với các nghi lễ mang đậm sắc thái tôn giáo Islam, cùng nghệ thuật múa Chăm và âm nhạc dân gian, là nguồn tài nguyên du lịch độc đáo hiếm có ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Đối với cộng đồng người Hoa, các lễ hội như Nguyên Tiêu, Nghinh Ông, vía Thiên Hậu, Quan Thánh, Thần Tài, tổ chức tại các hội quán và miếu cổ kính ở Châu Đốc, Long Xuyên, Rạch Giá hay Hà Tiên, đã trở thành những sự kiện văn hóa - du lịch có sức lan tỏa rộng, thu hút hàng vạn lượt khách hành hương và tham quan mỗi năm. Việc khai thác, quảng bá lễ hội gắn với tuyến du lịch văn hóa - tâm linh liên tỉnh đang mở ra hướng đi hiệu quả cho phát triển du lịch vùng biên giới và ven biển.

Bên cạnh đó, nghề thủ công truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số cũng chứa đựng tiềm năng lớn để phát triển du lịch trải nghiệm và du lịch cộng đồng. Các sản phẩm như thổ cẩm Khmer, gốm Chăm, đường thốt nốt, đan lát tre nứa, sản phẩm kim hoàn và bánh lễ người Hoa không chỉ mang giá trị thẩm mỹ cao mà còn phản ánh tri thức dân gian, kỹ năng lao động và tín ngưỡng của từng cộng đồng. Việc kết hợp tham quan, trải nghiệm, mua sắm và giao lưu với nghệ nhân địa phương có thể hình thành các sản phẩm du lịch thủ công - văn hóa đặc trưng, góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch của tỉnh.

Ngoài ra, nghệ thuật biểu diễn dân gian và sinh hoạt văn hóa cộng đồng cũng là những yếu tố có giá trị du lịch lớn. Các tiết mục Rô băm, Dù kê, múa Romvong của người Khmer; múa Chăm, trống Ghi-năng, hát dân ca Chăm; hay múa lân - sư - rồng, hát Tiều của người Hoa có thể được khai thác trong các chương trình biểu diễn định kỳ phục vụ du khách, đồng thời góp phần bảo tồn và quảng bá di sản phi vật thể của địa phương. Việc tổ chức các liên hoan nghệ thuật dân tộc thiểu số, tuần lễ văn hóa - du lịch dân gian, hay chương trình biểu diễn di sản tại điểm đến du lịch sẽ tạo nên sức hút văn hóa bền vững, khẳng định vị thế văn hóa đa dạng của tỉnh trên bản đồ du lịch quốc gia.

Không chỉ dừng ở yếu tố nghệ thuật, hệ thống kiến trúc tôn giáo - tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số cũng là tiềm năng lớn để phát triển du lịch tham quan - nghiên cứu - tâm linh. Những ngôi chùa Nam tông Khmer uy nghiêm ở vùng Bảy Núi, các thánh đường Islam của người Chăm ở An Phú, Tân Châu, hay miếu, hội quán, chùa Hoa cổ kính ở Rạch Giá, Châu Đốc, Long Xuyên, Hà Tiên đều có giá trị kiến trúc, mỹ thuật và tâm linh sâu sắc. Việc kết nối các điểm đến này thành tuyến du lịch văn hóa - tôn giáo liên kết vùng sẽ góp phần mở rộng không gian du lịch và tăng tính hấp dẫn cho sản phẩm du lịch văn hóa của tỉnh.

Cùng với đó, đời sống sinh hoạt và phong tục tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số - như ẩm thực, trang phục, lễ cưới, lễ tang, phong tục thờ cúng, sinh hoạt làng nghề - cũng mang trong mình giá trị trải nghiệm độc đáo. Các món ăn đặc sản như mắm bò hóc, bún num-bò-chóc của người Khmer, cà ri dê, cơm nị, bánh hóp của người Chăm, hay bánh bao, hoành thánh, chè hột sen của người Hoa đều có thể trở thành sản phẩm văn hóa - ẩm thực hấp dẫn trong du lịch địa phương. Phát triển du lịch ẩm thực dân tộc thiểu số là một hướng đi mới, phù hợp với xu thế du lịch trải nghiệm và bền vững hiện nay.

Ngoài giá trị nội tại của di sản, vị trí địa lý và hạ tầng du lịch của tỉnh An Giang cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác du lịch văn hóa dân tộc. Với hệ thống sông ngòi, núi non, rừng tràm và biển đảo đa dạng, du lịch văn hóa có thể kết hợp linh hoạt với du lịch sinh thái, du lịch tâm linh và du lịch nông nghiệp. Đặc biệt, các khu vực như núi Cấm, núi Sam, Bảy Núi, U Minh Thượng, Hà Tiên, Phú Quốc (nếu xét trong quy hoạch vùng mở rộng) có thể trở thành những trung tâm du lịch văn hóa - sinh thái tích hợp, trong đó yếu tố văn hóa dân tộc thiểu số là điểm nhấn đặc trưng, góp phần định vị thương hiệu du lịch của tỉnh trên bản đồ du lịch Đồng bằng sông Cửu Long.

Từ những tiềm năng nêu trên, có thể khẳng định rằng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Khmer, Chăm và Hoa là nền tảng vững chắc để phát triển du lịch văn hóa đa tộc người, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cộng đồng dân tộc thiểu số, đồng thời thúc đẩy giao lưu văn hóa và hội nhập quốc tế. Việc phát huy hiệu quả nguồn lực này đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ giữa bảo tồn di sản với khai thác du lịch, giữa yếu tố cộng đồng với chiến lược phát triển kinh tế

- xã hội, nhằm hướng đến mục tiêu xây dựng An Giang trở thành trung tâm du lịch văn hóa - tâm linh đặc trưng của vùng Tây Nam Bộ.

V. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Quan điểm

1.1. Văn hóa truyền thống là nền tảng và trụ cột cho phát triển bền vững văn hóa, kinh tế vùng dân tộc thiểu số

Văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số không chỉ là kết tinh của lịch sử hình thành và phát triển cộng đồng, mà còn là nền tảng căn bản để duy trì bản sắc, cố kết xã hội và định hướng cho phát triển bền vững. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, văn hóa truyền thống chính là nguồn lực nội sinh mạnh mẽ, giúp các cộng đồng dân tộc thiểu số thích ứng linh hoạt với biến đổi kinh tế - xã hội, đồng thời giữ vững giá trị bản sắc riêng biệt.

Đối với tỉnh An Giang, nơi sinh sống đan xen của các dân tộc Khmer, Chăm, Hoa và Kinh, văn hóa truyền thống đã và đang đóng vai trò trụ cột tinh thần của đời sống cộng đồng, thể hiện qua hệ thống tín ngưỡng, lễ hội, nghề thủ công, nghệ thuật dân gian và tri thức bản địa. Những yếu tố này không chỉ duy trì tính liên kết và bền vững trong cấu trúc xã hội tộc người, mà còn mở ra nguồn lực phát triển kinh tế đặc thù thông qua các hoạt động du lịch văn hóa, sản xuất hàng thủ công, ẩm thực dân gian và thương mại lễ hội.

Bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống trong vùng dân tộc thiểu số vì thế không chỉ là nhiệm vụ văn hóa, mà còn là giải pháp chiến lược cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Khi các giá trị văn hóa được gìn giữ và chuyển hóa thành sản phẩm du lịch, hàng hóa văn hóa hay mô hình sinh kế gắn với tri thức bản địa, chúng sẽ tạo ra hiệu ứng lan tỏa kép: vừa nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân, vừa củng cố niềm tự hào và ý thức gìn giữ di sản.

Nói cách khác, văn hóa truyền thống chính là “vốn xã hội” và “vốn sáng tạo” của vùng dân tộc thiểu số. Việc đặt văn hóa ở vị trí trung tâm của quá trình phát triển không chỉ giúp bảo đảm sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và bảo tồn bản sắc, mà còn khẳng định rằng không thể có phát triển bền vững nếu thiếu đi nền tảng văn hóa vững chắc. Vì vậy, mọi chiến lược phát triển vùng dân tộc thiểu số ở An Giang cần được xây dựng trên cơ sở coi văn hóa truyền thống là trụ cột, là nguồn lực nội sinh chủ đạo, vừa gìn giữ giá trị di sản, vừa thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển toàn diện cộng đồng.

1.2. Bảo tồn phải gắn với phát huy sáng tạo, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống người dân

Bảo tồn văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số không thể chỉ dừng lại ở việc lưu giữ, phục dựng hay trưng bày tĩnh tại các giá trị văn hóa, mà cần được

đặt trong tiến trình phát triển năng động của đời sống đương đại. Mục tiêu cuối cùng của công tác bảo tồn không chỉ là gìn giữ di sản, mà là làm cho di sản tiếp tục sống, được cộng đồng thực hành, sáng tạo và phát huy trong điều kiện mới, qua đó đóng góp thiết thực vào phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống của người dân.

Ở tỉnh An Giang, nơi có sự giao thoa văn hóa giữa các tộc người Khmer, Chăm, Hoa và Kinh, việc bảo tồn văn hóa dân tộc thiểu số phải được gắn liền với quá trình phát triển sinh kế và du lịch bền vững. Những giá trị văn hóa như lễ hội, nghệ thuật dân gian, nghề thủ công hay tri thức bản địa không chỉ là di sản tinh thần mà còn là nguồn lực kinh tế tiềm năng. Khi được khai thác đúng hướng - thông qua các mô hình du lịch cộng đồng, sản phẩm OCOP, không gian văn hóa - nghệ thuật dân tộc, làng nghề truyền thống - các giá trị này có thể chuyển hóa thành nguồn thu nhập ổn định cho người dân, tạo việc làm, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo và góp phần giảm nghèo bền vững.

Phát huy sáng tạo trong bảo tồn còn thể hiện ở việc ứng dụng khoa học - công nghệ và đổi mới phương thức truyền dạy di sản. Cần khuyến khích nghệ nhân, trí thức và thanh niên dân tộc thiểu số tham gia sáng tạo các sản phẩm văn hóa mới dựa trên chất liệu truyền thống, kết hợp giữa yếu tố dân gian và đương đại để phù hợp với thị hiếu xã hội. Quá trình này vừa tạo sức sống mới cho di sản, vừa mở rộng không gian giao lưu văn hóa, góp phần đưa văn hóa dân tộc thiểu số hòa nhập mà không hòa tan trong dòng chảy phát triển.

Đặc biệt, bảo tồn văn hóa phải được coi là một trụ cột của chiến lược phát triển con người. Khi người dân được tham gia chủ động trong các hoạt động bảo tồn và phát huy di sản - từ việc tổ chức lễ hội, biểu diễn nghệ thuật, sản xuất hàng thủ công đến đón tiếp khách du lịch - họ không chỉ trở thành người giữ gìn mà còn là chủ thể sáng tạo và thụ hưởng giá trị văn hóa. Chính sự gắn kết giữa bảo tồn và phát triển kinh tế - xã hội này sẽ tạo động lực bền vững cho cộng đồng dân tộc thiểu số, giúp họ vừa bảo vệ được bản sắc, vừa nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, tiến tới phát triển hài hòa và toàn diện.

Tóm lại, bảo tồn chỉ thật sự có ý nghĩa khi đi đôi với phát huy sáng tạo và mang lại lợi ích cụ thể cho cộng đồng. Đặt trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, việc kết hợp giữa bảo tồn di sản, sáng tạo văn hóa và phát triển du lịch chính là hướng đi tất yếu để văn hóa dân tộc thiểu số ở An Giang không chỉ được lưu giữ, mà còn trở thành nguồn lực nội sinh cho phát triển bền vững.

1.3. Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân tộc thiểu số trong bảo tồn và phát triển văn hóa

Cộng đồng dân tộc thiểu số chính là chủ thể sáng tạo, lưu giữ và thực hành văn hóa truyền thống, vì vậy, việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của họ chỉ có thể đạt hiệu quả bền vững khi cộng đồng được tham gia tích cực và được trao quyền thực sự trong quá trình này. Bảo tồn không thể chỉ là nhiệm vụ của cơ quan quản lý

nhà nước hay các tổ chức chuyên môn, mà phải trở thành hành động tự giác, tự thân của chính cộng đồng dân tộc, những người hiểu sâu sắc nhất ý nghĩa, giá trị và sức sống của di sản.

Tại tỉnh An Giang, các cộng đồng Khmer, Chăm, Hoa và các nhóm dân tộc khác đã hình thành nên hệ thống giá trị văn hóa phong phú, đa dạng và bền vững qua nhiều thế hệ. Chính họ là người trực tiếp duy trì các nghi lễ, lễ hội, nghệ thuật biểu diễn, nghề thủ công, tri thức dân gian, và cũng là lực lượng chủ lực trong việc truyền dạy văn hóa cho thế hệ trẻ. Do đó, phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng không chỉ là nguyên tắc phương pháp luận, mà còn là điều kiện tiên quyết để bảo đảm tính chân thực, tính kế thừa và sức sống lâu dài của di sản văn hóa dân tộc thiểu số.

Để thực hiện được điều này, cần tạo cơ chế và môi trường thuận lợi để cộng đồng được tham gia từ khâu hoạch định, tổ chức đến thụ hưởng kết quả của hoạt động bảo tồn và phát triển văn hóa. Nhà nước đóng vai trò định hướng, hỗ trợ về chính sách, kỹ thuật và nguồn lực; còn cộng đồng dân tộc là trung tâm của quá trình thực hành, sáng tạo và lan tỏa di sản. Việc khuyến khích thành lập các câu lạc bộ văn hóa dân gian, tổ nghề truyền thống, nhóm nghệ nhân dân tộc, hợp tác xã du lịch cộng đồng... sẽ góp phần củng cố tổ chức tự quản trong bảo tồn văn hóa, đồng thời nâng cao năng lực làm chủ của người dân địa phương.

Mặt khác, cần chú trọng nâng cao nhận thức và năng lực văn hóa - du lịch cho cộng đồng dân tộc thiểu số, thông qua các chương trình đào tạo, tập huấn về quản lý di sản, kỹ năng truyền thông, hướng dẫn du lịch, thiết kế sản phẩm văn hóa. Khi được trang bị tri thức và kỹ năng, người dân không chỉ trở thành người gìn giữ văn hóa, mà còn là đối tác bình đẳng trong phát triển kinh tế - du lịch, góp phần bảo đảm lợi ích hài hòa giữa cộng đồng, nhà nước và doanh nghiệp.

Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng còn là cách khôi phục và củng cố lòng tự hào dân tộc, ý thức tự tôn văn hóa và tinh thần đoàn kết liên tộc người. Khi người dân cảm nhận được giá trị của di sản và được hưởng lợi thực sự từ hoạt động bảo tồn - phát triển, họ sẽ chủ động bảo vệ, sáng tạo và truyền dạy văn hóa cho thế hệ kế tiếp. Đây chính là yếu tố quyết định để văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số ở An Giang không chỉ được lưu giữ trong quá khứ, mà còn tiếp tục phát triển như một nguồn lực sống động trong hiện tại và tương lai.

2. Định hướng

2.1. Ưu tiên bảo vệ các loại hình văn hóa truyền thống có nguy cơ mai một

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, đô thị hóa và sự chuyển dịch mạnh mẽ của cơ cấu kinh tế - xã hội, nhiều loại hình văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số ở An Giang đang đứng trước nguy cơ bị phai nhạt, thậm chí biến mất. Đó là hệ quả của quá trình thay đổi không gian sinh tồn, sự du nhập của lối sống hiện đại và sự đứt gãy trong truyền dạy di sản giữa các thế hệ. Do đó, việc xác định và ưu tiên bảo vệ các loại

hình văn hóa truyền thống đang có nguy cơ mai một là yêu cầu cấp thiết, vừa nhằm gìn giữ bản sắc tộc người, vừa bảo đảm tính đa dạng và bền vững của văn hóa tỉnh.

Trước hết, cần tiến hành kiểm kê, phân loại và đánh giá mức độ nguy cơ mai một của từng loại hình văn hóa, đặc biệt là các di sản phi vật thể có phạm vi lưu truyền hẹp, phụ thuộc nhiều vào nghệ nhân cao tuổi hoặc môi trường tự nhiên - xã hội đặc thù. Đối với cộng đồng Khmer, cần chú trọng bảo tồn các hình thức nghệ thuật sân khấu Rô băm, Dù kê, nhạc ngũ âm, lễ hội dân gian và nghề dệt thổ cẩm truyền thống. Với người Chăm, cần quan tâm bảo vệ nghề gốm, nghề dệt, nghệ thuật múa và hát dân ca Chăm, cùng các nghi lễ tôn giáo đặc trưng gắn với thánh đường Islam. Còn với cộng đồng người Hoa, cần ưu tiên gìn giữ lễ hội Nghinh Ông, vía Thiên Hậu, nghệ thuật múa lân - sư - rồng, hát Tiều và nghề làm bánh lễ truyền thống - những di sản đang có xu hướng suy giảm do biến đổi kinh tế và sự thiếu hụt thế hệ kế thừa.

Công tác bảo vệ phải được triển khai theo hướng bảo tồn động, tức là bảo tồn gắn liền với đời sống thực hành văn hóa của cộng đồng. Thay vì chỉ lưu giữ trong dạng hồ sơ hay biểu diễn mang tính hình thức, cần tạo điều kiện để các loại hình văn hóa này được thực hành thường xuyên, gắn với các sự kiện văn hóa, giáo dục và du lịch địa phương. Nhà nước cần hỗ trợ kinh phí, chính sách và không gian để nghệ nhân truyền dạy cho thế hệ trẻ; đồng thời khuyến khích các cơ sở giáo dục, chùa Khmer, thánh đường Chăm, hội quán Hoa trở thành trung tâm lan tỏa và đào tạo văn hóa dân tộc.

Song song đó, cần ứng dụng công nghệ số trong bảo tồn di sản, như số hóa dữ liệu, tư liệu hóa video, ghi âm, hình ảnh, xây dựng thư viện điện tử và cơ sở dữ liệu mở về văn hóa dân tộc thiểu số. Việc kết hợp bảo tồn truyền thống với công nghệ hiện đại không chỉ giúp lưu trữ di sản an toàn mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc quảng bá và tiếp cận của công chúng, đặc biệt là giới trẻ.

Cuối cùng, bảo vệ di sản có nguy cơ mai một phải đi đôi với nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng, coi đây là yếu tố cốt lõi trong mọi chính sách văn hóa. Khi người dân hiểu rõ giá trị của di sản và được hưởng lợi trực tiếp từ hoạt động bảo tồn - như thông qua du lịch, trình diễn, giáo dục hay sản xuất sản phẩm văn hóa - họ sẽ chủ động hơn trong việc gìn giữ và truyền dạy. Chính sự tham gia tích cực của cộng đồng mới là “lá chắn” bền vững nhất để bảo vệ những loại hình văn hóa truyền thống đang đứng trước thách thức mai một ở vùng dân tộc thiểu số An Giang.

2.2. Phát triển hệ thống không gian văn hóa cộng đồng gắn với du lịch trải nghiệm

Phát triển hệ thống không gian văn hóa cộng đồng là một định hướng quan trọng nhằm bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số đồng thời tạo nền tảng cho phát triển du lịch bền vững. Không gian văn hóa không chỉ là nơi lưu giữ di sản vật thể và phi vật thể, mà còn là môi trường sống động để

cộng đồng duy trì, thực hành và sáng tạo văn hóa trong đời sống đương đại, qua đó giúp du khách có cơ hội trải nghiệm sâu sắc bản sắc địa phương.

Tỉnh An Giang, với đặc trưng là sự giao thoa của nhiều cộng đồng tộc người, có điều kiện thuận lợi để hình thành mạng lưới không gian văn hóa đa dạng, phân bố theo vùng sinh thái - văn hóa đặc trưng. Ở vùng Bảy Núi và Tịnh Biên, Tri Tôn, có thể phát triển không gian văn hóa Khmer gắn với các chùa Nam tông, nghề dệt thổ cẩm, biểu diễn nhạc ngũ âm, múa Romvong và các lễ hội truyền thống như Chôl Chnăm Thmây, Ok Om Bok. Ở khu vực An Phú, Tân Châu, có thể hình thành không gian văn hóa Chăm với các thánh đường Islam, làng nghề gốm, dệt thủ công và nghệ thuật múa hát dân gian. Còn ở các đô thị như Châu Đốc, Long Xuyên, Rạch Giá, Hà Tiên, nên xây dựng không gian văn hóa Hoa gắn với hệ thống miếu, hội quán, lễ hội Nghinh Ông, Nguyên Tiêu và ẩm thực truyền thống.

Các không gian này cần được tổ chức theo mô hình văn hóa - du lịch cộng đồng, trong đó cộng đồng dân tộc vừa là chủ thể sáng tạo, vừa là đối tác trực tiếp trong hoạt động du lịch. Việc phát triển du lịch trải nghiệm tại chỗ - như tham quan làng nghề, tham gia lễ hội, học làm món ăn truyền thống, nghe kể chuyện dân gian, xem biểu diễn nghệ thuật dân tộc - sẽ tạo ra chuỗi giá trị du lịch dựa trên văn hóa bản địa, đồng thời mang lại nguồn thu nhập thiết thực cho người dân.

Để mô hình này vận hành hiệu quả, cần có sự quy hoạch, đầu tư và quản lý thống nhất. Nhà nước đóng vai trò định hướng và hỗ trợ về hạ tầng, chính sách, trong khi doanh nghiệp và tổ chức xã hội tham gia phát triển sản phẩm, quảng bá, kết nối thị trường. Đặc biệt, cần chú trọng thiết kế các tuyến du lịch văn hóa - trải nghiệm đặc thù, như “Hành trình văn hóa Khmer vùng Bảy Núi”, “Không gian văn hóa Chăm ven sông Hậu”, hay “Di sản văn hóa người Hoa vùng đô thị Châu Đốc - Rạch Giá”, nhằm tạo thương hiệu riêng cho du lịch văn hóa An Giang.

Song song đó, việc xây dựng trung tâm sinh hoạt văn hóa dân tộc thiểu số cấp phường, xã, kết hợp với các thiết chế văn hóa hiện có (nhà văn hóa, thư viện, khu lưu niệm, bảo tàng cộng đồng) sẽ giúp duy trì các hoạt động truyền dạy, trình diễn và giao lưu văn hóa thường xuyên. Đây không chỉ là điểm đến du lịch, mà còn là “trường học văn hóa sống”, nơi người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, có thể học tập và tự hào về bản sắc dân tộc của mình.

Phát triển hệ thống không gian văn hóa cộng đồng gắn với du lịch trải nghiệm không chỉ góp phần bảo tồn di sản mà còn tạo ra mối liên kết bền vững giữa văn hóa - kinh tế - du lịch - cộng đồng. Khi người dân trở thành chủ thể sáng tạo, du khách trở thành người đồng hành và văn hóa trở thành cầu nối, quá trình bảo tồn sẽ được hiện thực hóa bằng sức sống tự nhiên, mang lại hiệu quả lâu dài cả về kinh tế lẫn xã hội cho vùng dân tộc thiểu số của tỉnh An Giang.

2.3. Kết nối văn hóa truyền thống với giáo dục, du lịch, lễ hội, kinh tế sáng tạo

Trong xu thế phát triển hiện nay, việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số không thể tách rời các lĩnh vực giáo dục, du lịch, lễ hội và kinh tế sáng tạo. Sự kết nối giữa các lĩnh vực này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả bảo tồn di sản, mà còn tạo ra chuỗi giá trị mới cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh An Giang.

Trước hết, cần coi giáo dục văn hóa dân tộc là nền tảng lâu dài cho việc duy trì và truyền dạy di sản. Các yếu tố văn hóa truyền thống - như ngôn ngữ, âm nhạc, múa, nghệ thuật dân gian, nghề thủ công, phong tục tập quán - nên được tích hợp vào chương trình giáo dục địa phương, đặc biệt trong các trường học vùng dân tộc thiểu số. Việc đưa học sinh đến tham quan, trải nghiệm tại các làng văn hóa, di tích, hội quán, thánh đường, chùa, làng nghề sẽ giúp các em hiểu rõ hơn về giá trị di sản, hình thành tình yêu và ý thức tự hào dân tộc. Bên cạnh đó, việc đào tạo lớp nghệ nhân trẻ, hướng dẫn viên văn hóa, cán bộ bảo tồn người dân tộc thiểu số sẽ bảo đảm tính kế thừa và tính thực hành bền vững của di sản.

Về du lịch, văn hóa truyền thống cần được định vị như linh hồn của sản phẩm du lịch địa phương. Các giá trị văn hóa dân tộc Khmer, Chăm, Hoa có thể được chuyển hóa sáng tạo thành các sản phẩm du lịch mang tính trải nghiệm - như lễ hội, ẩm thực, biểu diễn dân gian, làng nghề truyền thống, nghi lễ tôn giáo - nhằm tạo ra các tour, tuyến du lịch chuyên đề đặc sắc. Việc kết nối du lịch với văn hóa giúp tăng cường giao lưu, tạo nguồn thu, đồng thời thúc đẩy người dân tự giác bảo tồn di sản khi họ nhận thấy giá trị kinh tế gắn liền với văn hóa truyền thống.

Đối với lễ hội, cần xem đây là một kênh quan trọng để quảng bá văn hóa dân tộc và phát triển du lịch. Việc tổ chức các tuần lễ văn hóa - du lịch, liên hoan nghệ thuật dân tộc, ngày hội văn hóa đa tộc người, hoặc phục dựng có chọn lọc các lễ hội dân gian truyền thống sẽ góp phần làm phong phú đời sống tinh thần và tạo điểm nhấn thu hút du khách. Tuy nhiên, quá trình tổ chức phải bảo đảm tính chân thực, tính cộng đồng và tính giáo dục của lễ hội, tránh thương mại hóa hay làm sai lệch bản chất văn hóa truyền thống.

Cuối cùng, cần thúc đẩy phát triển kinh tế sáng tạo dựa trên di sản văn hóa dân tộc thiểu số. Các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, thiết kế thời trang dân tộc, ẩm thực truyền thống, nghệ thuật biểu diễn dân gian, truyện kể dân tộc hay tri thức bản địa có thể trở thành nguồn cảm hứng cho các sản phẩm văn hóa - du lịch, hàng hóa lưu niệm, sản phẩm OCOP hoặc các hoạt động công nghiệp văn hóa. Khi được sáng tạo và quảng bá đúng hướng, những giá trị văn hóa này sẽ không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn góp phần lan tỏa hình ảnh văn hóa An Giang ra khu vực và quốc tế.

Như vậy, việc kết nối văn hóa truyền thống với giáo dục, du lịch, lễ hội và kinh tế sáng tạo không chỉ mở rộng không gian tồn tại của di sản, mà còn biến văn hóa thành nguồn lực phát triển toàn diện, vừa nuôi dưỡng bản sắc dân tộc, vừa tạo động lực cho đổi mới và hội nhập. Đây chính là hướng đi phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của vùng dân tộc thiểu số trong bối cảnh mới.

3. Giải pháp chủ yếu

3.1. Kiểm kê, số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu di sản văn hóa dân tộc thiểu số

Công tác kiểm kê, tư liệu hóa và số hóa di sản là bước khởi đầu quan trọng, tạo nền tảng khoa học cho mọi hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc thiểu số. Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, việc xây dựng cơ sở dữ liệu văn hóa tích hợp không chỉ giúp quản lý di sản hiệu quả, mà còn mở ra khả năng kết nối, chia sẻ, quảng bá giá trị văn hóa một cách sinh động và hiện đại.

Trước hết, cần triển khai chương trình kiểm kê toàn diện các loại hình di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh An Giang, bao gồm: lễ hội truyền thống, ngôn ngữ, nghệ thuật trình diễn dân gian, nghề thủ công, tri thức dân gian, tín ngưỡng, kiến trúc tôn giáo, ẩm thực, trang phục, công cụ lao động, và các không gian sinh hoạt văn hóa. Việc kiểm kê cần được thực hiện theo chuẩn mực của Luật Di sản văn hóa và hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đảm bảo tính chính xác, khách quan và có sự tham gia của cộng đồng chủ thể văn hóa.

Trên cơ sở kết quả kiểm kê, cần tiến hành số hóa dữ liệu di sản bằng công nghệ hiện đại: ghi hình, ghi âm, chụp ảnh 3D, quét không gian, dựng phim tài liệu và thu thập bản đồ địa điểm di sản. Các tư liệu này cần được chuẩn hóa, phân loại và lưu trữ trong hệ thống dữ liệu tập trung của tỉnh, đồng thời tích hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa để đảm bảo tính liên thông và kế thừa lâu dài.

Song song đó, tỉnh cần xây dựng Cổng thông tin điện tử về di sản văn hóa các dân tộc thiểu số An Giang, cho phép tra cứu, khai thác dữ liệu công khai, phục vụ nghiên cứu, giáo dục, truyền thông và phát triển du lịch. Việc ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý, thuyết minh, giới thiệu di sản - như bản đồ di sản trực tuyến, tour ảo 360 độ, ứng dụng di động hướng dẫn tham quan - sẽ giúp lan tỏa hình ảnh văn hóa đến với công chúng rộng rãi hơn, đặc biệt là giới trẻ và du khách quốc tế.

Ngoài ra, cần chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ, chuyên gia và cộng tác viên địa phương có năng lực trong công tác tư liệu hóa và quản trị dữ liệu di sản. Việc kết hợp giữa cán bộ văn hóa, nghệ nhân và lực lượng trẻ am hiểu công nghệ sẽ tạo nên mạng lưới bảo tồn số hóa cộng đồng, góp phần duy trì tính liên tục và tính “sống” của di sản trong môi trường kỹ thuật số.

Tổng thể, giải pháp kiểm kê, số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu không chỉ nhằm lưu giữ và bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số, mà còn tạo hạ tầng thông tin văn hóa thông minh, hỗ trợ cho công tác quản lý nhà nước, nghiên cứu khoa học và phát triển du lịch văn hóa - sáng tạo trong thời kỳ hội nhập.

3.2. Chính sách hỗ trợ nghệ nhân, thợ thủ công, nghệ sĩ dân gian

Nghệ nhân, thợ thủ công và nghệ sĩ dân gian là chủ thể sáng tạo và lưu giữ tri thức văn hóa bản địa, giữ vai trò then chốt trong việc bảo tồn và truyền dạy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, hiện nay phần lớn lực lượng này đang đối mặt với nhiều khó khăn như thu nhập thấp, điều kiện hành nghề hạn chế, thiếu người kế thừa và chưa được hưởng đầy đủ các chính sách đãi ngộ tương xứng với đóng góp của họ. Vì vậy, việc ban hành và thực thi chính sách hỗ trợ toàn diện, thực chất là yêu cầu cấp thiết nhằm duy trì “nguồn sống” của di sản văn hóa.

Trước hết, cần tiến hành rà soát, thống kê và phân loại đội ngũ nghệ nhân, thợ thủ công, nghệ sĩ dân gian trong các cộng đồng dân tộc Khmer, Chăm, Hoa và Kinh ở vùng đồng bào thiểu số của tỉnh An Giang. Từ đó, xây dựng danh mục nghệ nhân tiêu biểu trong từng loại hình văn hóa - nghệ thuật, nghề thủ công, lễ hội, âm thực, tri thức dân gian - để có cơ sở áp dụng các chính sách hỗ trợ và tôn vinh phù hợp.

Về chính sách đãi ngộ, cần triển khai hiệu quả các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời xây dựng cơ chế đặc thù của tỉnh, trong đó bao gồm:

- Trợ cấp thường xuyên hoặc định kỳ cho nghệ nhân cao tuổi, nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân nhân dân gặp khó khăn.

- Hỗ trợ kinh phí phục vụ hoạt động truyền dạy, biểu diễn, chế tác, nghiên cứu, phục dựng lễ hội và làng nghề.

- Ưu tiên cấp mặt bằng, vật tư, thiết bị và không gian sáng tạo cho các hộ gia đình, tổ hợp tác hoặc hợp tác xã nghề thủ công.

- Hỗ trợ quảng bá, tiêu thụ sản phẩm thủ công truyền thống thông qua các hội chợ, triển lãm, sàn thương mại điện tử, hoặc kết nối với sản phẩm OCOP và du lịch văn hóa.

Song song đó, cần xây dựng chính sách khuyến khích truyền dạy và đào tạo thế hệ kế cận, bằng cách hỗ trợ nghệ nhân mở lớp dạy nghề, dạy múa hát dân gian, dạy ngôn ngữ và tri thức dân tộc trong cộng đồng. Việc lồng ghép các chương trình “Truyền dạy di sản cho thanh thiếu niên”, “Trường học cùng nghệ nhân”, hoặc “Lớp học di sản tại làng nghề” sẽ giúp chuyển giao tri thức dân gian một cách tự nhiên, bền vững.

Ngoài ra, cần thúc đẩy liên kết giữa nghệ nhân với các cơ sở văn hóa, doanh nghiệp sáng tạo và cơ sở du lịch để hình thành mô hình hợp tác “văn hóa - du lịch - kinh tế”. Khi sản phẩm văn hóa dân gian được ứng dụng vào đời sống đương đại - qua thiết kế thời trang, du lịch trải nghiệm, biểu diễn nghệ thuật, sản phẩm lưu niệm - nghệ nhân không chỉ được tôn vinh về mặt tinh thần mà còn được hưởng lợi về kinh tế, qua đó duy trì nghề truyền thống bằng chính năng lực sáng tạo của họ.

Việc ban hành chính sách hỗ trợ nghệ nhân, thợ thủ công và nghệ sĩ dân gian cần đặt trong tổng thể chiến lược phát triển nguồn nhân lực văn hóa của tỉnh, nhằm vừa bảo tồn được di sản gốc, vừa khuyến khích đổi mới sáng tạo. Đây là giải pháp nhân văn và bền vững, bảo đảm cho di sản văn hóa dân tộc thiểu số ở An Giang tiếp tục được truyền nối, thích ứng và lan tỏa trong đời sống đương đại.

3.3. Hợp tác với các cơ sở giáo dục, tổ chức du lịch, cơ quan truyền thông trong truyền dạy và quảng bá

Để công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số đạt hiệu quả bền vững, cần thiết lập cơ chế hợp tác liên ngành, liên lĩnh vực giữa cơ quan quản lý văn hóa với hệ thống giáo dục, các doanh nghiệp du lịch và cơ quan truyền thông. Sự phối hợp này giúp mở rộng không gian lan tỏa của di sản, đồng thời tạo nên mạng lưới truyền dạy - quảng bá - khai thác văn hóa có tính hệ thống và xã hội hóa cao.

Trước hết, về hợp tác với các cơ sở giáo dục, cần thúc đẩy việc lồng ghép nội dung văn hóa dân tộc thiểu số vào chương trình giáo dục các cấp, nhất là ở khu vực có đông đồng bào dân tộc Khmer, Chăm và Hoa sinh sống. Các trường phổ thông, trung tâm văn hóa - thể thao - học tập cộng đồng nên tổ chức định kỳ các chuyên đề, câu lạc bộ, hội thi, ngày hội văn hóa dân tộc, giúp học sinh và sinh viên hiểu, yêu và tự hào về bản sắc văn hóa quê hương. Đồng thời, cần tăng cường hợp tác với các trường đại học, cao đẳng, đặc biệt là các cơ sở đào tạo về văn hóa, du lịch, nghệ thuật trong công tác nghiên cứu, thực tập, truyền dạy nghề thủ công, biểu diễn dân gian, cũng như hỗ trợ tư liệu hóa và số hóa di sản.

Đối với lĩnh vực du lịch, việc hợp tác với các doanh nghiệp lữ hành, hiệp hội du lịch và cơ sở lưu trú sẽ góp phần đưa di sản văn hóa dân tộc thiểu số vào sản phẩm du lịch đặc thù của tỉnh An Giang. Cần khuyến khích các đơn vị du lịch xây dựng chương trình trải nghiệm văn hóa - giáo dục - cộng đồng, như tham quan làng nghề, dự lễ hội truyền thống, học nấu ăn dân tộc, hay xem biểu diễn dân gian. Bên cạnh đó, việc liên kết vùng với các địa phương lân cận như Cần Thơ, Đồng Tháp,... sẽ giúp hình thành các tuyến du lịch văn hóa liên tỉnh, góp phần quảng bá bản sắc văn hóa An Giang ở tầm khu vực và quốc gia.

Song song đó, các cơ quan truyền thông và báo chí có vai trò đặc biệt trong việc truyền thông, giáo dục và quảng bá hình ảnh văn hóa dân tộc thiểu số. Cần phối hợp chặt chẽ với Báo và Phát thanh Truyền hình tỉnh An Giang, cùng các nền tảng truyền thông số để sản xuất chuyên mục, phóng sự, phim tài liệu, podcast, ấn phẩm số về văn hóa truyền thống và gương nghệ nhân tiêu biểu. Ngoài ra, nên đẩy mạnh hoạt động truyền thông cộng đồng đa ngữ (Khmer, Chăm, Hoa, Kinh) để bảo đảm thông tin được lan tỏa sâu rộng, phù hợp với từng nhóm đối tượng.

Việc hợp tác với các cơ sở giáo dục, tổ chức du lịch và cơ quan truyền thông không chỉ tạo hiệu ứng lan tỏa trong xã hội mà còn góp phần hình thành hệ sinh

thái văn hóa - du lịch - giáo dục - truyền thông thống nhất. Thông qua đó, các giá trị văn hóa dân tộc thiểu số được bảo tồn không chỉ bằng chính sách, mà còn bằng sự tham gia chủ động của toàn xã hội, biến di sản thành nguồn lực sáng tạo và niềm tự hào chung của tỉnh.

3.4. Tổ chức các sự kiện, lễ hội, liên hoan văn hóa nhằm phát huy giá trị và thu hút khách du lịch

Tổ chức các sự kiện, lễ hội và liên hoan văn hóa là một trong những phương thức hữu hiệu nhất để bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống và quảng bá hình ảnh du lịch địa phương. Thông qua các hoạt động này, di sản văn hóa không chỉ được phục dựng và giới thiệu sinh động, mà còn được tái tạo, chuyển hóa thành sản phẩm du lịch hấp dẫn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững cho tỉnh An Giang.

Trước hết, cần bảo tồn và nâng tầm các lễ hội truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số trên địa bàn, như lễ hội Chôl Chnăm Thmây, Ok Om Bok, Dolta của người Khmer; các lễ hội Ramadan, Roya Haji, Katê của cộng đồng Chăm; lễ hội Nguyên Tiêu, Nghinh Ông, Khai Hạ của người Hoa; cũng như lễ hội Bà Chúa Xứ núi Sam - một biểu tượng tín ngưỡng mang tính liên văn hóa của An Giang. Việc kết hợp phục dựng nghi lễ, trò diễn dân gian, ẩm thực truyền thống và nghệ thuật trình diễn trong khuôn khổ lễ hội sẽ tạo nên không gian văn hóa sống động, giúp du khách trải nghiệm trọn vẹn bản sắc địa phương.

Song song đó, tỉnh cần tổ chức các liên hoan, ngày hội, tuần lễ văn hóa - du lịch quy mô cấp tỉnh và liên vùng, như:

- Liên hoan văn hóa - nghệ thuật các dân tộc thiểu số An Giang;
- Tuần lễ văn hóa Khmer vùng Bảy Núi;
- Ngày hội văn hóa Chăm ven sông Hậu;
- Lễ hội Âm thực và Nghệ truyền thống các dân tộc Nam Bộ;
- Liên hoan nghệ thuật dân gian và trình diễn trang phục dân tộc thiểu số.

Những sự kiện này không chỉ tạo điểm nhấn trong đời sống văn hóa - tinh thần của người dân mà còn trở thành sản phẩm du lịch định kỳ, thu hút khách trong và ngoài nước.

Để các hoạt động đạt hiệu quả cao, cần chuyển đổi cách tổ chức lễ hội từ hướng hành chính sang hướng xã hội hóa, chuyên nghiệp hóa. Theo đó, các cơ quan văn hóa - du lịch đóng vai trò định hướng, quản lý, còn cộng đồng dân tộc là chủ thể thực hành, doanh nghiệp và tổ chức xã hội tham gia vào khâu đầu tư, quảng bá, tài trợ, tổ chức sự kiện. Đặc biệt, nên xây dựng chuỗi sự kiện văn hóa - du lịch liên

hoàn theo mùa, gắn với đặc trưng sinh thái và lịch nông nghiệp, nhằm phân bổ dòng khách du lịch hợp lý trong năm.

Bên cạnh việc tổ chức trực tiếp, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quảng bá và truyền thông sự kiện. Các hình thức như phát trực tuyến lễ hội, triển lãm ảo, video trải nghiệm, nền tảng tương tác đa ngữ sẽ giúp lan tỏa hình ảnh văn hóa An Giang rộng rãi hơn, đồng thời thu hút giới trẻ tham gia vào quá trình sáng tạo, tiêu dùng văn hóa.

Cuối cùng, việc tổ chức sự kiện, lễ hội và liên hoan văn hóa không chỉ nhằm mục tiêu du lịch, mà còn hướng đến củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, tăng cường giao lưu, hiểu biết giữa các cộng đồng, và khẳng định vai trò trung tâm của văn hóa trong phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số. Đây là con đường vừa bảo tồn di sản, vừa phát huy giá trị văn hóa truyền thống thành động lực phát triển kinh tế - xã hội mới của An Giang.

VI. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ VÀ HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ

1. Nội dung chính

1.1. Điều tra, kiểm kê toàn diện các loại hình văn hóa truyền thống tiêu biểu

Công tác điều tra, kiểm kê di sản văn hóa truyền thống là nhiệm vụ nền tảng, nhằm tạo cơ sở khoa học và dữ liệu thực chứng cho việc hoạch định chính sách, triển khai chương trình bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

Trước hết, cần tổ chức khảo sát, thu thập thông tin toàn diện về các loại hình văn hóa truyền thống tiêu biểu của cộng đồng dân tộc Khmer, Chăm, Hoa và các nhóm dân tộc khác đang sinh sống tại địa phương. Việc điều tra cần bao quát cả di sản vật thể (di tích, kiến trúc, chùa, thánh đường, hội quán, làng nghề, hiện vật truyền thống) và di sản phi vật thể (nghệ thuật trình diễn dân gian, lễ hội, phong tục tập quán, nghề thủ công, tri thức dân gian, ngôn ngữ, văn học truyền miệng, nghi lễ tôn giáo, nghệ thuật ẩm thực).

Công tác kiểm kê cần được thực hiện theo phương pháp điều tra xã hội học kết hợp dân tộc học, có sự tham gia của cộng đồng chủ thể văn hóa, các nghệ nhân, trưởng lão, chức sắc tôn giáo, nhà nghiên cứu địa phương. Trong quá trình này, cần đặc biệt chú trọng đến những giá trị văn hóa có nguy cơ mai một, như nghề thủ công truyền thống, ngôn ngữ dân tộc, các hình thức sinh hoạt văn hóa cổ truyền, nghi lễ dân gian ít còn được thực hành.

Kết quả kiểm kê sẽ được tư liệu hóa bằng hình ảnh, ghi âm, video, bản đồ văn hóa, đồng thời chuẩn hóa dữ liệu theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trên cơ sở đó, tỉnh cần xây dựng hồ sơ khoa học cho từng loại hình di sản,

phục vụ công tác đề nghị xếp hạng, công nhận di sản văn hóa phi vật thể cấp tỉnh và quốc gia, cũng như phục vụ hoạt động nghiên cứu, giáo dục và phát triển du lịch.

Bên cạnh hoạt động điều tra trực tiếp, cần ứng dụng công nghệ thông tin và chuyên đổi số trong khâu lưu trữ, thống kê, chia sẻ dữ liệu. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử về văn hóa dân tộc thiểu số An Giang sẽ cho phép truy cập, quản lý và khai thác thông tin một cách linh hoạt, tạo nền tảng cho công tác quảng bá, giáo dục và kết nối với các lĩnh vực khác như du lịch, truyền thông, giáo dục cộng đồng.

Thông qua hoạt động điều tra, kiểm kê toàn diện này, tỉnh không chỉ nắm bắt được thực trạng, tiềm năng và giá trị đặc sắc của từng loại hình văn hóa, mà còn xác định được mức độ ưu tiên trong bảo tồn và phát huy, làm căn cứ để xây dựng chương trình hành động cụ thể giai đoạn 2026–2030, hướng tới mục tiêu gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch bền vững.

1.2. Tổ chức các lớp truyền dạy, bồi dưỡng đội ngũ kế thừa

Đội ngũ kế thừa - bao gồm thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên và người dân trong cộng đồng - là yếu tố quyết định cho sự tồn tại lâu dài và phát triển bền vững của di sản văn hóa truyền thống. Vì vậy, việc tổ chức các lớp truyền dạy, đào tạo và bồi dưỡng thế hệ kế cận là nhiệm vụ trọng tâm, vừa góp phần duy trì bản sắc dân tộc, vừa tạo nguồn nhân lực cho phát triển văn hóa - du lịch địa phương.

Trước hết, cần khảo sát, lựa chọn các loại hình di sản có nguy cơ mai một hoặc cần được truyền dạy gấp, như các nghề thủ công truyền thống (dệt thổ cẩm Khmer, dệt Chăm, làm gốm, chạm khắc gỗ, đan lát, làm nhạc cụ dân tộc), các hình thức nghệ thuật dân gian (hát Dù kê, Rô băm, múa Romvong, hát dân ca Chăm, nhạc ngũ âm, múa lân - sư - rồng người Hoa), cùng với tri thức dân gian, nghi lễ, ẩm thực và phong tục tập quán đặc trưng.

Trên cơ sở đó, tổ chức các lớp truyền dạy ngắn hạn và dài hạn tại nhà văn hóa, trường học, chùa, thánh đường, hội quán, làng nghề hoặc trung tâm văn hóa - thể thao - học tập cộng đồng. Các lớp học cần có sự tham gia trực tiếp của nghệ nhân, thợ thủ công, nghệ sĩ dân gian, với sự hỗ trợ chuyên môn của cán bộ văn hóa, giảng viên các trường đại học, chuyên gia nghiên cứu. Mỗi lớp học vừa là nơi truyền thụ kỹ năng, tri thức dân gian, vừa là không gian giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm giữa các thế hệ, góp phần khơi dậy niềm tự hào và ý thức bảo tồn trong cộng đồng.

Bên cạnh việc truyền dạy kỹ năng thực hành, cần kết hợp bồi dưỡng kiến thức về văn hóa học, lịch sử nghệ thuật, và kỹ năng sáng tạo đương đại, giúp thế hệ trẻ vừa hiểu sâu về giá trị truyền thống, vừa biết cách ứng dụng, sáng tạo để thích nghi với đời sống hiện nay. Đặc biệt, nên khuyến khích việc kết nối giữa lớp truyền dạy và du lịch trải nghiệm, cho phép học viên tham gia trình diễn, trưng bày hoặc hướng dẫn du khách, qua đó biến quá trình học tập thành hoạt động thực hành sinh động, gắn với sinh kế bền vững.

Tỉnh cần ban hành cơ chế hỗ trợ kinh phí, thù lao, và công cụ phục vụ giảng dạy, đồng thời tôn vinh, khen thưởng các nghệ nhân, giảng viên và học viên tiêu biểu để khích lệ phong trào. Ngoài ra, nên xây dựng chương trình “Mỗi xã, một lớp học di sản”, hoặc “Trường học cùng nghệ nhân”, hướng tới mục tiêu lan tỏa hoạt động truyền dạy đến nhiều đối tượng trong cộng đồng.

Việc tổ chức các lớp truyền dạy, bồi dưỡng đội ngũ kế thừa không chỉ là giải pháp bảo tồn “sống” di sản văn hóa, mà còn là đầu tư chiến lược cho tương lai, đảm bảo cho các giá trị văn hóa dân tộc thiểu số ở An Giang được lưu truyền, tiếp nối và phát huy sáng tạo trong dòng chảy hiện đại.

1.3. Xây dựng và phát triển không gian văn hóa cộng đồng, điểm du lịch văn hóa

Xây dựng và phát triển không gian văn hóa cộng đồng là một trong những giải pháp quan trọng nhằm duy trì tính liên tục của đời sống văn hóa dân tộc thiểu số, đồng thời tạo điều kiện để các giá trị truyền thống được thực hành, giới thiệu và khai thác phục vụ phát triển du lịch bền vững.

Trước hết, cần rà soát, lựa chọn các địa điểm có tiềm năng văn hóa và du lịch tại các vùng tập trung đông đồng bào dân tộc Khmer, Chăm, Hoa và các dân tộc khác, như khu vực Núi Sam, Tri Tôn, Tịnh Biên, An Phú, Châu Thành, Châu Phú... để quy hoạch, đầu tư xây dựng các không gian văn hóa cộng đồng phù hợp với điều kiện tự nhiên và bản sắc văn hóa của từng dân tộc.

Các không gian này có thể bao gồm nhà văn hóa dân tộc, khu sinh hoạt cộng đồng, bảo tàng nhỏ, làng nghề truyền thống, chợ văn hóa dân tộc, khu trình diễn nghệ thuật và ẩm thực, nhằm tạo ra môi trường giao lưu, gìn giữ và lan tỏa các giá trị di sản. Mỗi không gian không chỉ là nơi sinh hoạt văn hóa thường xuyên của cộng đồng, mà còn có thể trở thành điểm đến du lịch trải nghiệm, nơi du khách có thể tham quan, học tập, thực hành và thưởng thức văn hóa bản địa.

Song song với việc hình thành các không gian mới, cần khôi phục và nâng cấp các công trình văn hóa sẵn có như chùa Khmer, thánh đường Hồi giáo của người Chăm, hội quán người Hoa, làng nghề truyền thống... để vừa đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, vừa trở thành điểm nhấn văn hóa - du lịch của địa phương. Việc quy hoạch và phát triển hạ tầng cần được thực hiện theo hướng bảo tồn nguyên gốc, tôn trọng không gian thiêng và đặc trưng kiến trúc, đồng thời bổ sung các hạng mục phục vụ du khách như trung tâm thông tin, khu trưng bày, khu trải nghiệm thủ công, khu ẩm thực dân tộc, homestay cộng đồng.

Công tác quản lý và vận hành không gian văn hóa cộng đồng cần được thực hiện theo mô hình cộng đồng làm chủ, trong đó người dân là trung tâm và hưởng lợi trực tiếp từ hoạt động du lịch. Chính quyền địa phương đóng vai trò hỗ trợ, kết nối, hướng dẫn chuyên môn, còn các nghệ nhân, người có uy tín và đoàn thể địa phương đảm nhiệm việc tổ chức, truyền dạy và quảng bá.

Để tăng hiệu quả khai thác, cần liên kết các không gian văn hóa cộng đồng thành tuyến, cụm, hoặc sản phẩm du lịch đặc thù, như tuyến “Khám phá văn hóa Khmer - Chăm - Hoa An Giang”, hay sản phẩm “Một ngày làm nghệ nhân”, “Trải nghiệm làng nghề truyền thống”. Ngoài ra, cần khuyến khích ứng dụng công nghệ số và truyền thông đa phương tiện trong quảng bá, giới thiệu điểm đến, qua đó mở rộng phạm vi tiếp cận của du khách trong và ngoài nước.

Việc xây dựng và phát triển không gian văn hóa cộng đồng, điểm du lịch văn hóa không chỉ là hoạt động bảo tồn di sản, mà còn là mô hình phát triển văn hóa – du lịch dựa vào cộng đồng, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, tăng cường sự gắn kết xã hội và khẳng định vị thế của các dân tộc thiểu số trong quá trình hội nhập phát triển của tỉnh An Giang.

1.4. Tổ chức sự kiện, hội thi, liên hoan văn hóa, nghệ thuật truyền thống

Tổ chức các sự kiện, hội thi, liên hoan văn hóa - nghệ thuật truyền thống là hình thức sinh động và hiệu quả để quảng bá, tôn vinh, đồng thời khuyến khích cộng đồng các dân tộc thiểu số gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa của mình. Đây không chỉ là hoạt động mang tính giao lưu, học hỏi mà còn là động lực thúc đẩy sáng tạo, tăng cường đoàn kết và phát triển du lịch văn hóa trên địa bàn tỉnh.

Trước hết, cần xây dựng kế hoạch tổ chức thường niên hoặc định kỳ các sự kiện quy mô cấp tỉnh và liên vùng, hướng đến mục tiêu vừa tôn vinh di sản văn hóa truyền thống, vừa tạo sản phẩm du lịch đặc sắc. Các loại hình sự kiện có thể bao gồm:

- Liên hoan văn hóa - nghệ thuật dân tộc thiểu số tỉnh An Giang, với các hoạt động biểu diễn nghệ thuật dân gian như múa Romvong, hát Dù kê, hát dân ca Chăm, trình diễn trang phục, ẩm thực và trò chơi dân gian.

- Ngày hội văn hóa - thể thao - du lịch các dân tộc thiểu số, gắn với các dịp lễ truyền thống như Tết Chôl Chnăm Thmây, Ramadan, Lễ hội Nghinh Ông, Lễ hội Đolta..., nhằm tái hiện không gian văn hóa sống động của từng cộng đồng.

- Hội thi tay nghề và làng nghề truyền thống, tôn vinh các nghệ nhân, thợ thủ công giỏi trong các lĩnh vực dệt, gốm, điêu khắc, chế tác nhạc cụ, ẩm thực dân tộc.

- Liên hoan ẩm thực và trình diễn văn hóa dân gian, khuyến khích các địa phương, đơn vị du lịch, trường học và doanh nghiệp cùng tham gia quảng bá, giới thiệu sản phẩm văn hóa địa phương.

Bên cạnh các hoạt động quy mô lớn, cần khuyến khích tổ chức các sự kiện nhỏ, chuyên đề tại cấp xã, làng, phum, sóc, gắn với không gian sinh hoạt cộng đồng và đời sống văn hóa thực tế. Việc duy trì tần suất tổ chức phù hợp sẽ giúp hình thành

thói quen sinh hoạt văn hóa cộng đồng thường xuyên, góp phần củng cố bản sắc và tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa các dân tộc.

Để nâng cao hiệu quả, cần liên kết các sự kiện văn hóa với hoạt động du lịch và truyền thông đại chúng, thông qua việc tổ chức các tour du lịch kết hợp tham dự lễ hội, các chương trình truyền hình, phim tài liệu, triển lãm ảnh, sân khấu hóa di sản. Song song đó, khuyến khích ứng dụng công nghệ số trong quảng bá - như xây dựng website, nền tảng trực tuyến hoặc mạng xã hội giới thiệu các liên hoan, sự kiện văn hóa - nhằm mở rộng khả năng tiếp cận của công chúng trong và ngoài nước.

Việc tổ chức sự kiện, hội thi, liên hoan văn hóa, nghệ thuật truyền thống không chỉ là dịp tôn vinh di sản và nghệ nhân dân tộc thiểu số, mà còn là hoạt động chiến lược trong phát triển du lịch văn hóa và kinh tế sáng tạo, góp phần đưa hình ảnh văn hóa đa sắc màu của An Giang trở thành thương hiệu văn hóa đặc trưng của khu vực Tây Nam Bộ.

1.5. Xây dựng sản phẩm du lịch văn hóa đặc thù

Phát triển sản phẩm du lịch văn hóa đặc thù là hướng đi chiến lược nhằm gắn kết bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số với phát triển kinh tế du lịch bền vững. Thông qua đó, những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể không chỉ được lưu giữ mà còn trở thành nguồn lực nội sinh, đóng góp trực tiếp cho sinh kế cộng đồng và thương hiệu du lịch của tỉnh.

Trước hết, cần khai thác các giá trị văn hóa tiêu biểu của từng dân tộc để hình thành sản phẩm du lịch đặc trưng, thể hiện rõ bản sắc vùng miền như:

- Với người Khmer, có thể phát triển các sản phẩm du lịch gắn với kiến trúc chùa Phật giáo Nam tông, nghệ thuật múa - nhạc truyền thống (Dù kê, Rô băm, ngũ âm), nghề dệt thổ cẩm và lễ hội Ok Om Bok, Dolta;

- Với người Chăm, tập trung vào du lịch làng nghề (dệt, gốm, chế tác trang sức), trải nghiệm văn hóa Hồi giáo, ẩm thực Halal, và các nghi lễ tôn giáo đặc trưng;

- Với cộng đồng Hoa, phát huy các giá trị nghệ thuật trình diễn lân - sư - rồng, ẩm thực người Hoa, lễ hội Nghinh Ông, Lễ hội Nguyên Tiêu, cùng hệ thống hội quán, miếu, chùa cổ kính.

Trên cơ sở đó, cần thiết kế các tuyến du lịch văn hóa - trải nghiệm liên kết vùng như:

- Tuyến “Một ngày khám phá văn hóa Khmer - Chăm - Hoa”, kết nối các làng nghề, lễ hội và công trình kiến trúc tiêu biểu;

- Tuyến “Hành trình qua miền di sản An Giang”, kết hợp tham quan di tích, thưởng thức ẩm thực, tham gia hoạt động lễ hội và lưu trú tại homestay cộng đồng;

- Tuyên “Sắc màu văn hóa vùng biên giới”, gắn với các địa phương Tịnh Biên, Tri Tôn, An Phú, Châu Đốc - nơi giao thoa văn hóa và tôn giáo đặc sắc.

Để tạo dấu ấn khác biệt, cần chú trọng yếu tố trải nghiệm và tương tác, giúp du khách không chỉ “xem” mà còn “tham gia” - như học dệt thổ cẩm, chế biến món ăn truyền thống, nghe kể chuyện dân gian, tham gia nghi lễ, hay biểu diễn cùng nghệ nhân. Các hoạt động này vừa mang tính giáo dục, vừa góp phần lan tỏa giá trị văn hóa trong đời sống đương đại.

Ngoài ra, cần khuyến khích doanh nghiệp du lịch, hợp tác xã, hộ dân và nghệ nhân cùng tham gia vào quá trình xây dựng sản phẩm, bảo đảm tính cộng đồng, bền vững và hài hòa lợi ích. Tỉnh có thể hỗ trợ về đào tạo kỹ năng du lịch, truyền thông, xúc tiến thương mại, đồng thời tạo điều kiện đầu tư hạ tầng, vốn vay ưu đãi và quảng bá sản phẩm thông qua các kênh truyền thông, hội chợ, festival du lịch trong và ngoài nước.

Việc xây dựng sản phẩm du lịch văn hóa đặc thù không chỉ làm phong phú thêm bức tranh du lịch An Giang, mà còn là phương thức hữu hiệu để bảo tồn văn hóa sống, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cộng đồng dân tộc thiểu số, khẳng định vị thế của địa phương trong mạng lưới du lịch văn hóa vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

2. Hoạt động cụ thể

Để bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh An Giang, đồng thời gắn kết với phát triển du lịch, Đề án đề xuất các nhóm hoạt động trọng tâm sau:

2.1. Hội thảo khoa học, tọa đàm cộng đồng

- Tổ chức hội thảo, tọa đàm định kỳ với sự tham gia của các nhà nghiên cứu, cán bộ văn hóa, nghệ nhân và đại diện cộng đồng dân tộc thiểu số.

- Thảo luận về lịch sử, truyền thống, phong tục, tập quán, nghệ thuật trình diễn, lễ hội, trang phục, ẩm thực... của các dân tộc trên địa bàn.

- Đưa ra giải pháp bảo tồn, phát huy và khai thác giá trị văn hóa gắn với du lịch bền vững.

- Kết hợp với các hoạt động truyền thông, công bố các kết quả nghiên cứu và kiến nghị chính sách.

2.2. Xuất bản ấn phẩm, tài liệu, video tư liệu

- Suu tầm, ghi hình, ghi âm các nghi lễ, lễ hội, biểu diễn nghệ thuật truyền thống, phong tục tập quán, câu chuyện dân gian.

- Xuất bản sách, cẩm nang, tài liệu hướng dẫn về văn hóa các dân tộc thiểu số phục vụ cộng đồng, học sinh - sinh viên, du khách.

- Sản xuất video tư liệu, phim ngắn, clip giới thiệu lễ hội, trang phục, nghệ thuật dân gian để quảng bá trên các phương tiện truyền thông, mạng xã hội.

- Xây dựng kho tư liệu số hóa, làm cơ sở dữ liệu điện tử phục vụ nghiên cứu, giáo dục và truyền dạy.

2.3. Biên soạn giáo trình, chương trình truyền dạy

- Xây dựng giáo trình, tài liệu hướng dẫn, chương trình truyền dạy về văn hóa dân tộc thiểu số phù hợp cho học sinh, sinh viên và cộng đồng.

- Tổ chức các lớp học, câu lạc bộ, hoạt động ngoại khóa, thực hành các nghi lễ, nghệ thuật dân gian, nhạc cụ, múa, ca hát truyền thống.

- Tạo cơ chế kết nối giữa nghệ nhân và thế hệ trẻ, đảm bảo kế thừa kỹ năng, tri thức, bài bản văn hóa.

- Phát triển các chương trình giảng dạy tích hợp vào giáo dục chính quy và không chính quy, đồng thời hỗ trợ đào tạo đội ngũ giáo viên, cán bộ văn hóa cơ sở.

2.4. Tổ chức triển lãm, lễ hội, liên hoan văn hóa

- Thiết lập các triển lãm cố định và lưu động giới thiệu trang phục, nhạc cụ, hình ảnh, hiện vật, di sản văn hóa của các dân tộc thiểu số.

- Tổ chức lễ hội, liên hoan văn hóa, hội diễn nghệ thuật truyền thống định kỳ, phục vụ cộng đồng và du khách, đồng thời thúc đẩy giao lưu văn hóa giữa các dân tộc.

- Kết hợp với phát triển du lịch trải nghiệm, tạo các tour tham quan, trải nghiệm nghệ thuật, ẩm thực, làng nghề truyền thống.

- Thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng địa phương, nghệ nhân, các câu lạc bộ văn hóa và doanh nghiệp du lịch, góp phần nâng cao nhận thức, duy trì giá trị văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

2.5. Tổ chức truyền thông, quảng bá gắn với các sự kiện du lịch trong và ngoài nước

- Lồng ghép truyền thông, quảng bá văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số vào các hội chợ, sự kiện, chương trình xúc tiến du lịch trong và ngoài tỉnh; Tổ chức các hoạt động trình diễn, trải nghiệm văn hóa, ẩm thực, làng nghề truyền thống tại các sự kiện quảng bá du lịch địa phương để tăng tính tương tác và nhận diện đối với du khách và doanh nghiệp du lịch. Qua đó đưa sản phẩm du lịch từ văn hóa

truyền thông các dân tộc thiểu số trở thành một phần của sản phẩm du lịch trọng yếu của tỉnh.

- Tăng cường phối hợp với các doanh nghiệp lữ hành, hiệp hội du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch để khảo sát, xây dựng và đưa vào khai thác các chương trình tour, tuyến du lịch văn hóa gắn với cộng đồng dân tộc thiểu số. Sản phẩm du lịch hình thành cần bảo đảm hài hòa giữa bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống, nâng cao sinh kế cho người dân địa phương và đáp ứng nhu cầu phục vụ khách du lịch, tránh thương mại hóa quá mức làm mai một bản sắc văn hóa truyền thống.

- Đẩy mạnh truyền thông, quảng bá về văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số như một phần quan trọng của định vị thương hiệu du lịch An Giang; Chú trọng xây dựng câu chuyện điểm đến, mang tính nhân văn, khác biệt nhằm thu hút du khách. Việc truyền thông, quảng bá cần được triển khai đồng bộ trên nhiều kênh, nhiều nền tảng khác nhau, góp phần thu hút và lan tỏa hình ảnh đẹp của du lịch An Giang, nâng cao nhận thức về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng.

VII. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Đề án được triển khai theo lộ trình 5 năm (2026–2030), đảm bảo các nhiệm vụ trọng tâm được thực hiện đồng bộ, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, đồng thời tạo điều kiện đánh giá kết quả và điều chỉnh Đề án kịp thời:

1. Năm 2026: Khởi động, điều tra, lập danh mục di sản

- Khởi động Đề án: Tổ chức hội nghị triển khai, phân công nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch chi tiết;

- Điều tra thực trạng: Khảo sát các cộng đồng dân tộc thiểu số, lập danh mục di sản văn hóa, nghệ thuật, lễ hội, phong tục, tập quán, trang phục, nhạc cụ truyền thống;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu: Thu thập hình ảnh, âm thanh, hiện vật, câu chuyện dân gian, ghi chép tư liệu; thiết lập kho dữ liệu điện tử, làm cơ sở cho các hoạt động truyền dạy, nghiên cứu và quảng bá.

2. Năm 2027-2028: Triển khai truyền dạy, xây dựng không gian văn hóa, phát triển sản phẩm du lịch

- Truyền dạy và đào tạo: Mở các lớp học, câu lạc bộ, lớp truyền dạy kỹ năng nghệ thuật truyền thống cho thanh thiếu niên và nghệ nhân trẻ.

- Xây dựng không gian văn hóa: Thiết lập các điểm sinh hoạt văn hóa, không gian biểu diễn, trưng bày tại các địa phương trọng điểm.

- Phát triển sản phẩm du lịch: Lồng ghép các hoạt động văn hóa dân tộc thiểu số vào tour du lịch, trải nghiệm nghệ thuật, ẩm thực, làng nghề truyền thống.

- Tổ chức sự kiện: Triển khai hội thảo, tọa đàm cộng đồng, triển lãm, lễ hội, liên hoan văn hóa, biểu diễn nghệ thuật truyền thống để quảng bá di sản và thu hút du khách.

- Truyền thông và quảng bá: Xuất bản tài liệu, video tư liệu, phát sóng trên các phương tiện truyền thông, mạng xã hội, website, nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng và du khách về giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số.

3. Năm 2029-2030: Tổng kết, đánh giá, điều chỉnh, nhân rộng mô hình

- Đánh giá kết quả: Kiểm tra, tổng kết các hoạt động đã triển khai, đánh giá hiệu quả truyền dạy, quảng bá, phát triển câu lạc bộ, sản phẩm du lịch.

- Điều chỉnh và hoàn thiện: Rút ra bài học kinh nghiệm, đề xuất giải pháp điều chỉnh, cải tiến phương pháp truyền dạy, quản lý, tổ chức sự kiện, phát triển sản phẩm du lịch.

- Nhân rộng mô hình: Nhân rộng các câu lạc bộ, lớp học, không gian văn hóa, tour du lịch trải nghiệm và các mô hình hiệu quả sang các địa phương khác.

- Lập kế hoạch giai đoạn tiếp theo: Xây dựng định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cho giai đoạn sau 2030, đảm bảo bảo tồn bền vững và phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số.

VIII. DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐỀ XUẤT

1. Kiểm kê, số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu di sản văn hóa dân tộc thiểu số

1.1. Mục tiêu

- Thực hiện kiểm kê toàn diện các loại hình di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số hóa về di sản văn hóa, phục vụ công tác quản lý, bảo tồn, nghiên cứu, giáo dục và phát triển du lịch văn hóa.

1.2. Nội dung chủ yếu

- Điều tra, khảo sát, thống kê các loại hình văn hóa tiêu biểu: nghệ thuật trình diễn dân gian, lễ hội, phong tục, nghề thủ công, kiến trúc, ngôn ngữ, tri thức dân gian.

- Ghi hình, ghi âm, chụp ảnh, lập hồ sơ khoa học và bản đồ văn hóa số.

- Xây dựng ngân hàng dữ liệu số liên kết với Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

- Ứng dụng công nghệ GIS, AI, và 3D để số hóa di sản, công trình văn hóa đặc sắc.

1.3. Kết quả dự kiến

- Hoàn thành bộ dữ liệu chuẩn hóa, cập nhật định kỳ.
- Tạo công cụ tra cứu trực tuyến phục vụ cơ quan quản lý, nhà nghiên cứu, doanh nghiệp du lịch và người dân.
- Là cơ sở cho công tác lập hồ sơ di sản văn hóa cấp tỉnh và quốc gia.

2. Đào tạo, truyền dạy nghệ thuật và kỹ năng bảo tồn di sản

2.1. Mục tiêu

- Xây dựng đội ngũ kế thừa, nghệ nhân trẻ, hướng dẫn viên văn hóa và hạt nhân cộng đồng có năng lực gìn giữ, thực hành, quảng bá di sản.
- Bảo tồn “sống” các loại hình văn hóa truyền thống đang có nguy cơ mai một.

2.2. Nội dung chủ yếu

- Tổ chức các lớp truyền dạy nghề thủ công, nghệ thuật dân gian, biểu diễn văn hóa - lễ hội.
- Mời nghệ nhân, thợ thủ công, nghệ sĩ dân gian làm giảng viên trực tiếp truyền dạy.
- Phối hợp với các trường đại học, trung tâm văn hóa, cơ sở đào tạo du lịch để lồng ghép chương trình giảng dạy di sản.
- Hỗ trợ công cụ, nguyên liệu, địa điểm và kinh phí cho nghệ nhân, học viên.
- Biên soạn giáo trình địa phương học - văn hóa dân tộc thiểu số An Giang để đưa vào giảng dạy.

2.3. Kết quả dự kiến

- Đào tạo được đội ngũ kế thừa có tay nghề, hiểu biết văn hóa dân tộc.
- Duy trì ít nhất 10 loại hình nghệ thuật, nghề truyền thống được truyền dạy lại hằng năm.
- Góp phần hình thành sản phẩm văn hóa - du lịch mới do cộng đồng làm chủ.

3. Phát triển không gian văn hóa cộng đồng và điểm du lịch văn hóa

3.1. Mục tiêu

- Hình thành và phát triển hệ thống không gian văn hóa cộng đồng mang đặc trưng dân tộc thiểu số, gắn với phát triển du lịch trải nghiệm.

- Tạo hạ tầng văn hóa - du lịch góp phần nâng cao đời sống và sinh kế cộng đồng.

3.2. Nội dung chủ yếu

- Quy hoạch, cải tạo hoặc xây dựng nhà văn hóa dân tộc, khu trình diễn nghệ thuật, làng nghề du lịch, chợ văn hóa dân tộc, trung tâm trải nghiệm văn hóa - ẩm thực.

- Phục hồi, tôn tạo một số công trình văn hóa tiêu biểu (chùa Khmer, thánh đường Chăm, hội quán Hoa, di tích văn hóa dân gian).

- Kết nối các không gian văn hóa thành tuyến và cụm du lịch văn hóa - sinh thái, gắn với các địa phương như Châu Đốc, Tịnh Biên, Tri Tôn, An Phú.

- Hỗ trợ cộng đồng vận hành mô hình du lịch văn hóa cộng đồng

3.3. Kết quả dự kiến

- Hình thành ít nhất 3 không gian văn hóa - du lịch cộng đồng mẫu, hoạt động ổn định.

- Tạo ra sản phẩm du lịch văn hóa đặc thù, kết nối trong chuỗi du lịch vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Góp phần nâng cao thu nhập, tăng cường gắn kết xã hội và bảo tồn bền vững văn hóa dân tộc thiểu số.

4. Tổ chức sự kiện văn hóa, lễ hội, quảng bá và xúc tiến du lịch

4.1. Mục tiêu

- Quảng bá sâu rộng hình ảnh văn hóa đa sắc tộc của tỉnh An Giang.

- Tăng cường giao lưu, hợp tác và thu hút du khách trong và ngoài nước.

4.2. Nội dung chủ yếu

- Tổ chức Liên hoan Văn hóa - Nghệ thuật dân tộc thiểu số An Giang định kỳ hai năm một lần.

- Tổ chức Ngày hội văn hóa - thể thao - du lịch các dân tộc thiểu số, gắn với các lễ hội truyền thống.

- Tham gia các hội chợ, festival du lịch, tuần văn hóa vùng Đồng bằng sông Cửu Long, ASEAN, và quốc tế.

- Xây dựng chương trình truyền thông số, ấn phẩm quảng bá, phim tài liệu, triển lãm ảnh di sản.

- Hợp tác với doanh nghiệp du lịch, cơ quan truyền thông, nền tảng số để quảng bá sản phẩm văn hóa - du lịch.

4.3. Kết quả dự kiến

- Tăng lượng du khách đến với các vùng dân tộc thiểu số từ 10-15% mỗi năm.
- Hình thành thương hiệu “Du lịch văn hóa An Giang: Sắc màu đa tộc người
- Một điểm đến, nhiều trải nghiệm”.
- Nâng cao nhận thức xã hội về giá trị và vai trò của văn hóa dân tộc thiểu số trong phát triển du lịch bền vững.

5. Danh mục dự kiến theo năm

Năm	Kiểm kê và số hóa	Đào tạo và truyền dạy	Không gian văn hóa và du lịch	Sự kiện, lễ hội và quảng bá
2026	Khảo sát, thu thập dữ liệu, lập cơ sở dữ liệu	Lập kế hoạch đào tạo, thành lập lớp đầu tiên	Khảo sát không gian văn hóa, lập quy hoạch	Lập kế hoạch tổ chức sự kiện, truyền thông
2027	Số hóa dữ liệu, cập nhật kho tư liệu, GIS & 3D	Triển khai các lớp truyền dạy, hỗ trợ công cụ, nguyên liệu	Cải tạo, xây dựng điểm trình diễn mẫu	Tổ chức sự kiện thử nghiệm, xuất bản ấn phẩm, video quảng bá
2028	Bổ sung dữ liệu, bảo trì, cập nhật thường xuyên	Duy trì lớp học, đào tạo nghệ nhân trẻ	Hoàn thiện ít nhất 2 không gian văn hóa - du lịch	Triển lãm, lễ hội, liên hoan văn hóa
2029	Cập nhật dữ liệu, tổng hợp báo cáo	Duy trì và mở rộng câu lạc bộ, lớp học	Hoàn thiện 3 không gian văn hóa - du lịch	Liên hoan văn hóa cấp tỉnh, tham gia festival vùng, quốc tế
2030	Tổng kết dữ liệu, đánh giá hiệu quả	Tổng kết lớp học, biên soạn giáo trình, điều chỉnh chương trình	Duy trì không gian văn hóa - du lịch	Tổng kết sự kiện, quảng bá thương hiệu du lịch

IX. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước

1.1. Kinh phí thực hiện Đề án do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành. Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao tại Đề án, các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện Đề án và tổng hợp chung vào dự toán của cơ quan, đơn vị, địa phương mình để trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

1.2. Căn cứ Đề án được phê duyệt, hàng năm Sở Văn hóa và Thể thao chịu trách nhiệm xây dựng, tổng hợp dự toán chi tiết thực hiện các nội dung nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của địa phương theo chế độ, chính sách hiện hành, trên tinh thần hiệu quả, tiết kiệm; đảm bảo hoàn thành Kế hoạch triển khai Quyết định phê duyệt Đề án. Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí, bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện Đề án, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

2. Nguồn xã hội hóa (nếu có)

Đề án khuyến khích huy động nguồn lực xã hội hóa để bổ sung ngân sách nhà nước:

- Hợp tác với doanh nghiệp, tổ chức văn hóa - giáo dục trong và ngoài tỉnh để hỗ trợ chi phí xây dựng không gian văn hóa, lớp học, tổ chức sự kiện và quảng bá du lịch.

- Huy động nguồn lực từ cộng đồng, quỹ văn hóa, các dự án phát triển du lịch trải nghiệm, nhằm tạo thu nhập bền vững cho nghệ nhân và cộng đồng.

- Sử dụng các sản phẩm du lịch, tour trải nghiệm, bán ấn phẩm, video, đồ lưu niệm làm nguồn kinh phí bổ sung.

Tóm lại, sự kết hợp giữa ngân sách nhà nước và xã hội hóa sẽ đảm bảo triển khai liên tục, hiệu quả và bền vững 4 dự án, đồng thời khuyến khích sự tham gia rộng rãi của cộng đồng, doanh nghiệp và du khách trong việc bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc thiểu số.

X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

2.1. Sở Văn hóa và Thể thao

- Chủ trì xây dựng kế hoạch triển khai Đề án theo từng năm và từng giai đoạn.

- Tổ chức kiểm kê, tư liệu hóa và số hóa các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Khmer, Chăm, Hoa.

- Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu văn hóa dân tộc thiểu số và cập nhật thường xuyên.

- Tổ chức các lớp truyền dạy nghệ thuật truyền thống, nghề thủ công, ngôn ngữ dân tộc; hướng dẫn các địa phương triển khai đồng bộ.

- Chủ trì phát triển các mô hình điểm về bảo tồn và du lịch văn hóa; hỗ trợ xây dựng sản phẩm du lịch đặc trưng.

- Chủ trì phối hợp với trường học, cơ sở nghiên cứu, bảo tàng trong công tác sưu tầm, biên soạn tài liệu, đào tạo - tập huấn.

- Đầu mối tổng hợp kết quả, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo định kỳ.

2.2. Sở Tài chính

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan trong khả năng cân đối nguồn ngân sách để thực hiện Đề án và kế hoạch theo phân kỳ từng năm.

2.3. Sở Du lịch

- Phối hợp xây dựng sản phẩm du lịch, tuyến du lịch văn hóa; hỗ trợ thẩm định và quảng bá.

- Tập huấn nghiệp vụ cho doanh nghiệp, hướng dẫn viên và cộng đồng.

2.4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp đưa nội dung giáo dục văn hóa dân tộc vào chương trình ngoại khóa tại trường học.

- Khuyến khích liên kết trường - chùa - thánh đường - hội quán trong hoạt động trải nghiệm văn hóa.

2.5. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai hoạt động chuyển đổi số, số hóa tư liệu, bảo hộ sở hữu trí tuệ cho sản phẩm văn hóa và nghề thủ công.

2.6. Sở Công Thương

Phối hợp phát triển chuỗi giá trị sản phẩm thủ công truyền thống; hỗ trợ tham gia trưng bày OCOP, hội chợ, xúc tiến thương mại.

2.7. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh

- Kết nối với các doanh nghiệp lữ hành trong, ngoài tỉnh khảo sát tiềm năng, lợi thế, điểm đến nhằm xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng gắn với văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số.

- Chịu trách nhiệm quảng bá văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số gắn với du lịch sau khi hình thành sản phẩm, tour, tuyến tại các sự kiện, hội chợ du lịch trong, ngoài nước.

2.8. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh

Chủ động phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao xây dựng và thực hiện kế hoạch xây dựng và phát triển bản sắc văn hóa An Giang.

2.9. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

- Tổ chức thực hiện các hoạt động bảo tồn và phát huy văn hóa tại địa phương theo hướng dẫn của Sở Văn hóa và Thể thao.

- Chủ trì vận động cộng đồng tham gia kiểm kê, truyền dạy, phục hồi lễ hội, nghề truyền thống.

- Xây dựng mô hình du lịch cộng đồng phù hợp với điều kiện địa phương; đảm bảo an ninh, vệ sinh môi trường.

- Phối hợp tổ chức các sự kiện văn hóa - nghệ thuật của dân tộc thiểu số.

- Báo cáo kết quả triển khai hằng năm và giai đoạn theo yêu cầu của tỉnh.

2.10. Các tổ chức xã hội, nghệ nhân, cơ sở giáo dục và doanh nghiệp du lịch

- Hợp tác với các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong hoạt động đào tạo, truyền dạy, giao lưu văn hóa.

- Phát huy vai trò của nghệ nhân, người có uy tín trong phục dựng nghi lễ, trình diễn nghệ thuật, bảo tồn nghề truyền thống.

- Liên kết với trường đại học, viện nghiên cứu trong khảo sát, nghiên cứu, biên soạn tài liệu và hỗ trợ chuyên môn.

- Hợp tác với doanh nghiệp lữ hành trong xây dựng sản phẩm du lịch, đào tạo hướng dẫn viên cộng đồng, quảng bá hình ảnh văn hóa dân tộc thiểu số.

- Khuyến khích cộng đồng và doanh nghiệp cùng tham gia phát triển kinh tế văn hóa, kinh tế du lịch theo hướng bền vững.

XI. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Các văn bản pháp luật

- Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

- Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”;

- Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới;

- Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030;

- Quyết định số 287/QĐ-TTG ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng chính phủ Việt Nam về việc phê duyệt quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 816/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 07 tháng 7 năm 2023 về Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1230/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (trước sắp xếp) về bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2022-2025.

- Thông tư số 04/2025/TT-BVHTTDL ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về kiểm kê di sản văn hóa, công bố Danh mục kiểm kê di sản văn hóa; đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích; phân loại di vật, cổ vật; kho bảo quản di sản tư liệu; di sản văn hóa hạn chế sử dụng, khai thác và hướng dẫn việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa;

- Nghị định số 137/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch;

- Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch;

- Thông tư số 09/2025/TT-BVHTTDL ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch;

2. Sách, báo, tạp chí

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, & Đại học Văn Hiến. (2019). Phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam trong bối cảnh hội nhập. Nxb Đại học Quốc gia TP.HCM.

- Đại học Văn Hóa TP.HCM, Viện Nghiên cứu Phát triển TP.HCM, Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ, & Trung tâm Quốc tế về Nghiên cứu Bảo tồn và Bảo quản các tài sản văn hóa. (2018). Hội nhập quốc tế về bảo tồn: Cơ hội và thách thức cho các giá trị văn hóa (International Intergration of conservation opportunities and challenges for cultural heritage values). Kỷ yếu hội thảo quốc tế. Nxb Đại học Quốc gia TP.HCM.

- Đặng Thị Diệu Trang, Phạm Huỳnh Phương, Nguyễn Tuệ Chi, & Nguyễn Thị Yên. (2019). Du lịch dựa vào cộng đồng và sự biến đổi văn hóa địa phương. Nxb Hội Nhà văn.

- Huỳnh Quốc Thắng. (2003). Lễ hội dân gian ở Nam Bộ (khía cạnh giao tiếp văn hóa dân tộc). Nxb Văn hóa Thông tin.

- Huỳnh Quốc Thắng. (2007). Khai thác lễ hội và các sự kiện góp phần phát triển du lịch tại thành phố Hồ Chí Minh. Nxb Trẻ.

- Khoa Nhân học. (1998). Nhân học đại cương. Nxb Đại học Quốc gia TP.HCM.

- Lê Hồng Lý. (2008). Sự tác động của kinh tế thị trường vào lễ hội tín ngưỡng. Nxb Hà Nội.

- Luật Du lịch, số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội, hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2018.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa, số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Quốc hội, hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

- Nguyễn Hữu Hiếu. (2003). Tìm hiểu văn hóa tâm linh Nam Bộ. Nxb Trẻ.

- Nguyễn Thị Hiền. (2018). Quản lý nhà nước và vai trò cộng đồng trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể. Nxb Văn hóa Dân tộc.

- Nguyễn Thanh Loan. (2020). Phát triển du lịch cộng đồng ở Việt Nam. Nxb Thể thao và Du lịch.

- Nguyễn Thị Thống Nhất. (2016). Phát triển du lịch trên cơ sở khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới vật thể. Nxb Đà Nẵng.

- Nguyễn Thị Thủy. (2018). “Du lịch cộng đồng tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp phát triển”. Tạp chí Du lịch, (8).
- Nguyễn Thịnh. (2012). Di sản văn hóa Việt Nam - Bản sắc và những vấn đề về quản lý bảo tồn. Nxb Xây dựng.
- Nhiều tác giả. (2014). Lễ hội cộng đồng: truyền thống và biến đổi. Nxb Đại học Quốc gia TP.HCM.
- Nhiều tác giả. (2017). Quản lý và khai thác di sản văn hóa trong thời kỳ hội nhập. Nxb Đại học Quốc gia TP.HCM.
- Phạm Trung Lương. (2004). “Phát triển du lịch bền vững từ góc độ môi trường”. Tạp chí Du lịch Việt Nam, (10).
- Phạm Trung Lương (Chủ nhiệm). (2002). Cơ sở khoa học và giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam. Đề tài Khoa học Công nghệ cấp Nhà nước.
- Phan Anh Tú. (2020). Di sản và quản lý di sản ở Việt Nam. Nxb Đại học Quốc gia TP.HCM.
- Phan Thị Yến Tuyết. (2014). Đời sống xã hội – kinh tế văn hóa của ngư dân và cư dân vùng biển Nam Bộ. Nxb Đại học Quốc gia TP.HCM.
- . Thạch Phương, Hồ Lê, Huỳnh Lửa, & Nguyễn Quang Vinh. (2012). Văn hóa dân gian người Việt ở Nam Bộ. Nxb Thời Đại.
- UNESCO. (2003). Công ước bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể (Bản dịch).